

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ 1 - KHỐI 10

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
1	000004	Vũ Xuân Duy	04/04/2009	10A1	3.4	3.25	6.65	4.3	0.5	3	2.1	5.6	2.75	1.5	4.25	3.5	3.35	6.85				3.5	2.5	6							
2	000005	Nguyễn Thanh Đạt	17/05/2009	10A1	3.8	5.25	9.05	4.5	0.7	3.9	3	7.6	4	4	8	3.25	3.5	6.75				4.5	3.5	8							
3	000006	Văn Huỳnh Khánh Hào	19/12/2009	10A1	3.8	5	8.8	5.8	0.6	4.05	2.5	7.15	3.5	3	6.5	3.75	3.75	7.5				4.75	4.75	9.5							
4	000008	Phạm Minh Nhật Hoàng	07/12/2009	10A1	3.4	4.25	7.65	4.5	0.5	3.45	2.7	6.65	4	3.25	7.25	3.25	5	8.25				2.75	3.5	6.25							
5	000010	Phạm Minh Khang	07/10/2009	10A1	2.4	2.25	4.65	6	0.9	4.5	1.9	7.3	1.5	1.25	2.75	2	3.25	5.25				3	3.75	6.75							
6	000012	Vũ Thành Long	26/05/2009	10A1	2.6	3	5.6	5.5	0.6	4.2	2.9	7.7	3.5	1	4.5	3.25	4.5	7.75				3.75	2.5	6.25							
7	000013	Nguyễn Bảo Ngọc	08/05/2009	10A1	4	5.75	9.75	5.5	0.5	3.9	2.2	6.6	4.5	3	7.5	3.75	4	7.75				4.25	3.75	8							
8	000015	Bùi Hiếu Phong	05/05/2009	10A1	3.4	5	8.4	6.3	0.6	3	2.6	6.2	4.5	4	8.5	4.25	4	8.25				4.25	4.5	8.75							
9	000018	Nguyễn Thành Tâm	16/11/2009	10A1	4	5	9	6.5	0.3	3.45	2.1	5.85	2.75	1.5	4.25	4.25	4	8.25				4.5	4.5	9							
10	000019	Bùi Hữu Thiện	27/04/2009	10A1	3.4	4	7.4	4.5	0.4	3.9	3	7.3	4.5	3	7.5	3	3.1	6.1				4	4.5	8.5							
11	000020	Trần Phước Thuận	06/10/2009	10A1	3.6	4.5	8.1	5	0.5	3.15	2.6	6.25	3	3	6	2.25	3.5	5.75				3.25	4	7.25							
12	000021	Võ Thùy Trang	14/08/2009	10A1	2.4	2.6	5	4.3	0.6	3.3	2.8	6.7	3.25	2	5.25	2.5	4.5	7				3.25	4.5	7.75							
13	000022	Nguyễn Ngọc Tuấn Tú	31/01/2009	10A1	4	5.5	9.5	4	0.3	4.2	3	7.5	5	3.75	8.75	4.5	4.5	9				5	5	10							
14	000024	Trần Lê Gia Bảo	06/11/2009	10A1	3.6	4.5	8.1	5	0.6	4.35	2.8	7.75	4	3.75	7.75	2.75	4.5	7.25				4	3.75	7.75							
15	000027	Vũ Thái Bảo	24/04/2009	10A1	2.6	1.75	4.35	5.3	0.7	4.95	2.8	8.45	3.25	0.75	4	3	3.75	6.75				2.5	2.75	5.25							
16	000028	Nguyễn Thành Danh	07/11/2009	10A1	3.6	4.5	8.1	6.3	0.9	3.45	2.6	6.95	4.25	1.75	6	3	3.5	6.5				4.25	4.75	9							
17	000042	Nguyễn Lưu Tấn Tài	26/04/2009	10A1	2.6	1.25	3.85	5.3	0.3	3.15	2	5.45	3	1.25	4.25	1.5	2	3.5				4.25	3.5	7.75							
18	000043	Tạ Thanh Tân	13/03/2009	10A1	3.2	3	6.2	5	0.3	3.45	2.5	6.25	3.75	1.5	5.25	3	3.35	6.35				4	4.25	8.25							
19	000045	Phạm Vũ Thụy	14/07/2009	10A1	2.4	1.35	3.75	5	0.4	3.15	0.2	3.75	2.25	1.5	3.75	2	3.5	5.5				3.25	3	6.25							
20	000049	Cao Tuấn Anh	19/01/2009	10A1	3	4	7	6.3	0.4	4.5	1.2	6.1	3.5	1.75	5.25	3	2.25	5.25				4	4	8							
21	000052	Bùi Tiến Dũng	06/03/2009	10A1	3.4	3	6.4	5.3	0.3	3.6	1.8	5.7	2.5	1.75	4.25	2.25	2.85	5.1				3.75	4	7.75							
22	000055	Phạm Bùi Gia Hân	18/01/2009	10A1	1.8	3.25	5.05	5.3	0.3	2.7	0.9	3.9	2.25	1.5	3.75	2.75	4.5	7.25				4.5	2.5	7							
23	000058	Nguyễn Thị Thu Huyền	27/11/2009	10A1	3.2	3.5	6.7	5.3	0.4	3.6	2.9	6.9	2.75	1.75	4.5	2.5	3.75	6.25				4	3.75	7.75							
24	000062	Nguyễn Hoài Nhân	10/11/2009	10A1	3	3.75	6.75	1.8	0.8	3.15	1.6	5.55	2.5	0.5	3	2.5	0.5	3				3.25	3	6.25							
25	000064	Lưu Hồng Phú	30/12/2009	10A1	2.6	3.25	5.85	4	0.5	4.2	1.4	6.1	2.75	2	4.75	3.25	3.75	7				3.5	4.75	8.25							
26	000066	Nguyễn Thành Tài	20/10/2009	10A1	3.4	2.6	6	4.3	0.4	4.5	2.8	7.7	3.5	1.5	5	2.25	2.5	4.75				4.25	2	6.25							
27	000067	Nguyễn Ngọc Thái	28/07/2009	10A1	3.4	3.75	7.15	4.3	0.5	3.15	1.7	5.35	3.5	2	5.5	2.5	4	6.5				3	3.25	6.25							
28	000069	Lâm Thị Thủy Tiên	14/02/2009	10A1	3.6	4	7.6	4.5	0.8	3.3	1.2	5.3	2.75	2	4.75	3.5	2	5.5				4.25	3.5	7.75							
29	000070	Nguyễn Thụy Bảo Trân	05/01/2009	10A1	2.8	1.95	4.75	5	0.4	2.7	2.3	5.4	3	1	4	1.25	2.6	3.85				4.25	1.75	6							
30	000071	Đào Mạnh Tuấn	02/07/2009	10A1	2.8	3	5.8	5.3	0.5	3.45	1.6	5.55	2.75	1.25	4	2	3	5				4.5	4.5	9							
31	000080	Vũ Minh Hiếu	17/11/2009	10A1	3.6	4.25	7.85	5	0.4	4.05	1.8	6.25	4.25	2.75	7	3	2	5				4.75	3.75	8.5							
32	000081	Nguyễn Việt Hùng	14/07/2009	10A1	3	4.5	7.5	6	0.5	3.3	2.3	6.1	3.75	1.25	5	2.5	3.35	5.85				3.25	3.75	7							
33	000091	Trần Hùng Thanh	30/07/2009	10A1	3	3	6	4.3	0.4	2.85	0.9	4.15	3.25	2.25	5.5	3	4.5	7.5				3.75	4.25	8							
34	000093	Nguyễn Quang Tiến	18/07/2009	10A1	3.8	4.5	8.3	7	0.2	3.6	2.9	6.7	4.25	3	7.25	3.75	3.25	7				4.25	4.25	8.5							
35	000095	Tống Quốc Tuấn	08/03/2009	10A1	4	5.25	9.25	6	0.9	5.4	3	9.3	5	3.75	8.75	4.75	4.5	9.25				5	4.75	9.75							
36	000097	Nguyễn Bảo Châm Anh	03/04/2009	10A1	3	2.25	5.25	5	0.3	3.6	1.8	5.7	3.25	1.75	5	2.75	3.6	6.35				4.75	4.5	9.25							
37	000098	Jeha Phuong Nguyen Bacalla	10/10/2009	10A1	3	2	5	6	0.5	3.15	2.9	6.55	3	1.5	4.5	2.75	4.25	7				3.5	4	7.5							
38	000099	Nguyễn Bảo Chánh	05/03/2009	10A1	3.4	4.75	8.15	7.3	0.5	3.9	3	7.4	4.75	3	7.75	4.5	4	8.5				5	5	10							
39	000100	Lê Hoàng Duy	07/10/2008	10A1	3.8	3.75	7.55	5.5	0.4	2.55	2.1	5.05	2.5	2	4.5	2.75	3.5	6.25				3	4.25	7.25							
40	000106	Mai Phúc Khang	07/05/2009	10A1	3.4	4.1	7.5	5.3	0.8	4.05	3	7.85	4.5	3.25	7.75	3.75	3.75	7.5				4.25	4.75	9							
41	000113	Hoàng Văn Trường Sa	18/11/2009	10A1	3.8	5	8.8	5.8	0.6	3.9	2.4	6.9	4	1.5	5.5	3.75	3.35	7.1				4.5	3.5	8							
42	000118	Nguyễn Huỳnh Anh Trúc	08/06/2009	10A1	3.2	3.6	6.8	6.3	0.5	4.05	2.8	7.35	4.25	3.25	7.5	4.25	4.5	8.75				4.5	4	8.5							
43	000119	Lê Thị Cẩm Vân	24/04/2009	10A1	3.4	4.5	7.9	6.8	0.5	3.3	3	6.8	3.5	2	5.5	3.75	4.1	7.85				4.75	4.75	9.5							
44	000121	Nguyễn Ngọc Phương Anh	11/07/2009	10A1	2	2.6	4.6	6.3	0.4	2.55	2	4.95	3.25	1.25	4.5	1.75	3.25	5				3.5	2.5	6							

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
45	000128	Huỳnh Duy Huy Hoàng	10/04/2009	10A1	3	2.6	5.6	5.5	0.6	3.75	2.1	6.45	3.75	2	5.75	3.25	2.5	5.75					2.75	4	6.75						
46	000134	Trần Minh Nhật	20/03/2009	10A1	3	2.5	5.5	5	0.7	3.45	2.1	6.25	2.5	1.25	3.75	2	3.5	5.5					3	3.75	6.75						
47	000137	Bùi Thanh Sơn	18/05/2009	10A1	2.8	2	4.8	5	0.6	3.3	2.1	6	3	1.5	4.5	3	3.75	6.75					4.75	3.25	8						
48	000140	Nguyễn Đức Thuận	03/01/2009	10A1	3.4	3	6.4	6.8	0.4	4.05	2.1	6.55	3.5	2	5.5	3.75	3.5	7.25					2.75	2.75	5.5						
49	000001	Nguyễn Phạm Hoàng An	16/06/2009	10A2	2.8	3	5.8	5.8	0.7	3.6	2.1	6.4	3.5	2	5.5	4	3.75	7.75					4	4	8						
50	000002	Vũ Hoàng Kim Anh	20/01/2009	10A2	2.8	2.5	5.3	4.5	0.4	3.3	0.5	4.2	1.5	1.5	3	2.5	3.5	6					3.25	3.75	7						
51	000014	Hồ Nguyễn Tú Như	03/02/2009	10A2	2.6	3	5.6	5	0.5	3.9	2.5	6.9	3	2	5	3.5	2.5	6					4.75	3.75	8.5						
52	000016	Ngô Nguyễn Vạn Phước	12/05/2009	10A2	3	3.5	6.5	5.5	0.7	3.3	1.6	5.6	3.5	1.75	5.25	3	3.25	6.25					3.25	3.75	7						
53	000017	Lê Hữu Tài	21/10/2009	10A2	2.8	1.75	4.55	4.3	0.7	2.1	0.6	3.4	3.5	1.75	5.25	4.25	2.85	7.1					4.75	2	6.75						
54	000023	Phạm Nguyễn Quang Vinh	25/06/2009	10A2	3.2	3.25	6.45	4.5	0.7	4.35	2.6	7.65	4	1.5	5.5	3.5	2.85	6.35					3.75	4.5	8.25						
55	000032	Nguyễn Huỳnh Minh Hiếu	10/08/2009	10A2	3.4	5	8.4	6.3	0.3	3.75	1.2	5.25	3	1.5	4.5	2.5	3.6	6.1					3	1.75	4.75						
56	000033	PHẠM MẠNH HÙNG	07/04/2009	10A2	3.2	3.25	6.45	5.3	0.7	4.05	2	6.75	4	2	6	4	3.25	7.25					4.5	4.5	9						
57	000034	Nguyễn Tấn Gia Huy	04/11/2009	10A2	3.4	3.75	7.15	5.8	0.3	3.75	1.8	5.85	4.25	2.25	6.5	4.5	4	8.5					3.25	3	6.25						
58	000036	Nguyễn Thị Thùy Linh	29/06/2009	10A2	4	5.5	9.5	7.5	0.5	4.2	2.5	7.2	4.25	2.5	6.75	4.25	4.5	8.75					4.5	3.75	8.25						
59	000037	Vũ Hoàng Minh	10/09/2009	10A2	3.2	4.25	7.45	7	0.6	3.6	1.7	5.9	2.75	1.25	4	3.25	3.5	6.75					4	4	8						
60	000038	Trần Ngọc Thái Nguyên	04/01/2009	10A2	4	4.5	8.5	5.5	0.7	4.65	2.9	8.25	4	2.5	6.5	4.25	4	8.25					5	4.75	9.75						
61	000040	Trần Thanh Phong	18/10/2009	10A2	3.2	2.5	5.7	5.8	0.7	3.45	2.5	6.65	4.25	3.25	7.5	3.75	4.25	8					4.75	4.75	9.5						
62	000046	Lại Vũ Huyền Trân	01/06/2009	10A2	3	2.75	5.75	6.3	0.1	3.75	1.7	5.55	3.25	1.75	5	3.75	3.85	7.6					3.5	4.5	8						
63	000047	Nguyễn Thành Tú	10/08/2009	10A2	3.8	2.25	6.05	6.8	0.5	3.6	2.1	6.2	3	1.25	4.25	3	3.75	6.75					4	5	9						
64	000048	Nguyễn Trọng VŨ	21/04/2009	10A2	3.4	3.75	7.15	6.5	0.7	3.75	1.7	6.15	4.25	2	6.25	3.75	3.5	7.25					3.75	3.25	7						
65	000050	Nguyễn Thị APan	13/04/2009	10A2	3.2	4	7.2	6.5	0.6	3	2.4	6	3	3	6	2.5	3.25	5.75					4.25	4.5	8.75						
66	000054	Nguyễn Anh Điệp	15/06/2009	10A2	2.6	2.5	5.1	7.5	0.2	3	2.3	5.5	4.5	2	6.5	3.5	3.5	7					3.5	3.75	7.25						
67	000057	Nguyễn Hoàng Xuân Hùng	09/09/2009	10A2	2.6	3	5.6	6	0.5	4.05	2.6	7.15	3.25	1.75	5	2.75	4.25	7					4.25	2	6.25						
68	000060	Vũ Văn Linh	22/03/2009	10A2	3.2	3.5	6.7	6	0.8	4.2	1.7	6.7	3.75	2	5.75	3.75	4.5	8.25					4.5	4.75	9.25						
69	000061	Kim Bảo Nam	24/10/2009	10A2	2.2	3	5.2	4.5	0.6	3.75	1.7	6.05	3.5	2	5.5	3.75	3.75	7.5					3.75	3	6.75						
70	000063	Nguyễn Bạch Quỳnh Như	16/06/2009	10A2	3.2	4.25	7.45	4.5	0.7	4.2	2	6.9	3.75	2.25	6	3.5	4	7.5					4.25	3.75	8						
71	000065	Đỗ Mai Tấn Quốc	11/07/2009	10A2	2.4	2	4.4	5.5	0.5	3.15	1.6	5.25	3.25	1.75	5	1.75	4	5.75					3.5	3	6.5						
72	000073	Đinh Sỹ Đức Anh	15/04/2009	10A2	2	3	5	4.3	0.8	2.7	0.7	4.2	2.25	1.75	4	3.25	3.75	7					2.5	2.5	5						
73	000074	Huỳnh Đại Ân	07/12/2009	10A2	3.4	5	8.4	4.5	0.5	2.7	2.4	5.6	4.25	2.25	6.5	2.75	3.5	6.25					3.5	4.25	7.75						
74	000076	Phạm Tấn Dũng	20/08/2009	10A2	3.2	3.1	6.3	5.3	0.6	4.05	2.7	7.35	2.5	1.25	3.75	2	3.25	5.25					3.75	3	6.75						
75	000079	Trần Võ Gia Hân	05/10/2009	10A2	3	3	6	5.3	0.7	3.6	2	6.3	3	1.75	4.75	3.25	3.75	7				4.5	3	7.5							
76	000084	Đỗ Gia Long	04/10/2009	10A2	3	2.75	5.75	5.3	0.5	4.2	3	7.7	3.75	1.75	5.5	4	3.5	7.5				3.5	2.25	5.75							
77	000085	Nguyễn Kim Ngân	23/11/2009	10A2	3.4	4.25	7.65	5.5	0.2	3.6	2.1	5.9	3.75	3.5	7.25	4	3.75	7.75				4.75	4.5	9.25							
78	000086	Nguyễn Huỳnh Thành Nhân	01/06/2009	10A2	3.6	3.75	7.35	6.3	0.5	2.85	1.4	4.75	3.75	1.75	5.5	3.75	3	6.75				4	2.75	6.75							
79	000087	Trần Lê Minh Như	15/04/2009	10A2	3.2	4.5	7.7	6.5	0.3	4.2	2.1	6.6	4.25	2.25	6.5	3	3.5	6.5				4.25	3.75	8							
80	000090	Đặng Minh Tâm	01/06/2009	10A2	2.6	3.25	5.85	5.3	0.5	3.6	1.7	5.8	3	1.5	4.5	3.75	3.5	7.25				4.25	4.25	8.5							
81	000092	Nguyễn Huỳnh Đức Thịnh	21/03/2009	10A2	2.6	3.5	6.1	5	0.3	4.2	2	6.5	3.25	2	5.25	3.25	3	6.25				3.5	4	7.5							
82	000104	Vũ Nguyễn Minh Hiếu	11/10/2009	10A2	4	4.75	8.75	6	0.7	3.15	2.1	5.95	4.75	3.5	8.25	4.75	4.5	9.25				4.75	4.75	9.5							
83	000105	Bùi Quốc Huy	31/07/2009	10A2	2.8	2.75	5.55	6	0.4	4.05	1.9	6.35	2.75	2	4.75	3	1.35	4.35				4.5	3.5	8							
84	000107	Phạm Duy Khôi	19/11/2009	10A2	3.2	3	6.2	6	0.6	2.85	1.5	4.95	3.25	1.5	4.75	3.75	3	6.75				4.25	2.5	6.75							
85	000110	Nguyễn Minh Nhật	02/11/2009	10A2	3.8	4.75	8.55	7.8	0.7	4.95	2.1	7.75	3.75	2.25	6	3.75	4	7.75				4.75	3.75	8.5							
86	000111	Ngô Đình Phát	16/06/2009	10A2	3	0	3	6.5	0.2	2.8	0.3	3.3	2.5	0.75	3.25	4.25	5	9.25				1.5	3	4.5							
87	000112	Triệu Minh Phúc	16/05/2009	10A2	3.4	4.5	7.9	4.8	0.5	3.9	2.4	6.8	2.75	1.75	4.5	3.75	4.25	8				3.75	1.5	5.25							
88	000116	Đặng Thanh Thuận	21/05/2009	10A2	3	4	7	6	0.6	4.2	2.1	6.9	3.75	1.75	5.5	4	4.5	8.5				4.25	4.5	8.75							
89	000120	Đặng Vũ Nghi Xuân	19/06/2009	10A2	3.8	5.5	9.3	5.8	0.7	4.8	2.5	8	3.5	3.75	7.25	3.75	4.25	8				4.75	4	8.75							
90	000127	Hồ Trọng Hiếu	09/09/2009	10A2	3.2	3	6.2	6.3	0.5	3.9	2.1	6.5	2.75	1.75	4.5	2.5	3	5.5				4	3.5	7.5							

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
91	000130	Nguyễn Chí Khang	23/12/2009	10A2	5	0	5	7	0.4	2.8	2.1	5.3	3.5	0.5	4	4.5	1.75	6.25													
92	000133	Võ Nhân Nghĩa	06/04/2009	10A2	2.8	2.5	5.3	7	0.5	4.05	2	6.55	4.25	2.5	6.75	3.5	3.75	7.25													
93	000136	Nguyễn Lê Huyền Kim Phụng	06/05/2009	10A2	2.8	3.75	6.55	7.3	0.5	3.6	1.1	5.2	3.5	2	5.5	2.75	3.5	6.25													
94	000141	Huỳnh Phúc Toàn	12/09/2009	10A2	2.2	3.1	5.3	7	0.4	2.55	1	3.95	3	1.5	4.5	2.5	4.25	6.75													
95	000142	Đặng Nhật Trường	15/04/2009	10A2	3.6	3	6.6	7.3	0.5	3.75	1.7	5.95	4.5	2.25	6.75	4	3.6	7.6													
96	000143	Nguyễn Hoàng Việt	11/05/2009	10A2	3.4	3.5	6.9	7.3	0.6	3.75	2	6.35	4.25	2.5	6.75	2.75	4.5	7.25													
97	000003	Nguyễn Ngọc Nhất Chung	01/07/2009	10A3	2.4	2	4.4	3.5	0.5	3.6	2	6.1	3.25	1	4.25	4	2.75	6.75													
98	000007	Kim Trung Hiếu	01/03/2009	10A3	2.8	3	5.8	4.5	0.6	3.45	2.1	6.15	3.75	1.25	5	4.5	4.25	8.75													
99	000009	Lê Minh Huy	29/12/2009	10A3	2.4	4.25	6.65	5.3	0.5	3.6	2.6	6.7	5	2.75	7.75	4.5	4.5	9													
100	000011	Trần Trọng Nhật Lâm	11/10/2009	10A3	2.6	2	4.6	4.3	0.6	4.2	2.6	7.4	3	1.75	4.75	3.5	3.35	6.85													
101	000025	Bạch Kim Anh	16/10/2009	10A3	2.8	4.25	7.05	6.3	0.7	3.75	2.9	7.35	4.5	2.25	6.75	4	5	9													
102	000026	Vũ Thị Phương Anh	14/06/2009	10A3	1.6	1	2.6	6.3	0.3	4.35	2.6	7.25	3	2	5	3.75	3.5	7.25													
103	000029	Nguyễn Ngọc Đại	02/12/2009	10A3	2.2	2.25	4.45	4	0.6	1.65	1.8	4.05	2.5	1.5	4	2.5	2.25	4.75													
104	000030	Phạm Nguyễn Hải Đăng	08/11/2009	10A3	3.4	3.75	7.15	6	0.7	3.45	2.9	7.05	4.75	3.5	8.25	4.25	3.75	8													
105	000031	Nguyễn Phương Hân	28/12/2009	10A3	2.8	2.5	5.3	7	0.7	4.8	2.9	8.4	4.25	2	6.25	4	3.25	7.25													
106	000035	Võ Minh Khang	26/07/2009	10A3	3.4	4.25	7.65	5	0.5	4.8	2.9	8.2	3.25	1.15	4.4	2.5	3.75	6.25													
107	000039	Lê Hà Quỳnh Như	14/11/2009	10A3	2.6	3	5.6	6.8	0.4	4.35	3	7.75	3.25	1.75	5	3.25	4	7.25													
108	000041	Phan Thị Thảo Phương	01/06/2009	10A3	2.6	1.5	4.1	5	0.5	4.05	2.2	6.75	3.25	2.25	5.5	4	3.25	7.25													
109	000044	Nguyễn Gia Thiều	17/07/2009	10A3	3	4	7	6	0.6	3.45	2.4	6.45	3.25	2.25	5.5	3.75	4	7.75													
110	000051	Nguyễn Xuân Bắc	25/06/2009	10A3	2.8	4	6.8	7.5	0.7	4.35	3	8.05	4.25	3.25	7.5	4	4	8													
111	000053	Triệu Tăng Quốc Đại	24/06/2009	10A3	1.8	2	3.8	5	0.7	3.9	2.9	7.5	3.25	2.75	6	2.5	3.35	5.85													
112	000056	Nguyễn Minh Hiếu	25/02/2009	10A3	2.8	2.5	5.3	5	0.6	2.7	2.8	6.1	3.75	1.75	5.5	4.25	4.25	8.5													
113	000059	Đặng Lê Anh Khôi	01/09/2009	10A3	3	3.75	6.75	6.5	0.6	2.7	1.8	5.1	3.75	3	6.75	3.25	3.5	6.75													
114	000068	Cao Triều Thịnh	14/06/2009	10A3	2.6	2.75	5.35	5.3	0.5	3.15	2.8	6.45	3.25	1.25	4.5	4.25	3.75	8													
115	000072	Lê Văn Vũ	19/06/2009	10A3	2	4.25	6.25	6	0.6	4.05	2.9	7.55	4.75	2.75	7.5	4.25	4.5	8.75													
116	000075	Phan Trí Bình	02/12/2009	10A3	2.2	2	4.2	5.8	0.3	4.95	2.9	8.15	3.5	2.25	5.75	4.25	3.5	7.75													
117	000077	Đỗ Thành Đạt	10/09/2009	10A3	3	3	6	4.8	0.2	2.55	2.7	5.45	4	2	6	3	4.5	7.5													
118	000078	Hoàng Phúc Đông	26/12/2009	10A3	2.6	1.35	3.95	5	0.4	3.15	2.4	5.95	3.25	2	5.25	3	2.75	5.75													
119	000082	Nguyễn Diệu Hương	12/06/2009	10A3	3	3.25	6.25	4.8	0.7	4.35	2.9	7.95	4.5	2.75	7.25	4	4.5	8.5													
120	000083	Lê Cao Minh Khôi	10/03/2009	10A3	2.8	3.25	6.05	4.8	0.6	4.35	2.9	7.85	2.5	2.5	5	2.75	3.75	6.5													
121	000088	Lê Hoàng Phúc	30/11/2009	10A3	3.4	3.25	6.65	6	0.7	3.9	1.4	6	4.75	2.75	7.5	4	2.75	6.75													
122	000089	Huỳnh Kim Quyên	08/07/2009	10A3	3	4	7	7.3	0.5	4.95	3	8.45	4	3	7	4.75	3.75	8.5													
123	000094	Trương Đình Trí	15/08/2009	10A3	2.8	3.5	6.3	4.5	0.6	3	3	6.6	4.5	2.75	7.25	5	5	10													
124	000096	Lê Nguyễn Thanh Vy	04/09/2009	10A3	3.2	4.25	7.45	5.3	0.5	4.2	3	7.7	4.75	3	7.75	4.75	5	9.75													
125	000101	Lê Hoàng Đạt	13/07/2009	10A3	3	4.1	7.1	5.8	0.5	4.2	3	7.7	3.75	2.25	6	4	3.75	7.75													
126	000102	Vũ Văn Đông	17/03/2009	10A3	3.2	3.25	6.45	4	0.5	3.6	2.9	7	4.5	3	7.5	3.25	3.75	7													
127	000103	Phạm Lê Thu Hiền	11/03/2009	10A3	2.4	2	4.4	5.3	0.7	4.5	2.1	7.3	4.75	2.5	7.25	4.25	3.25	7.5													
128	000108	Huỳnh Chánh Long	24/01/2009	10A3	3.6	4.5	8.1	4.5	0.5	4.05	2.7	7.25	4.75	2.75	7.5	4.75	5	9.75													
129	000109	Trần Hoàng Đại Nghĩa	19/07/2009	10A3	2	2	4	4.3	0.4	4.05	2.4	6.85	3.75	2.25	6	2.5	3.5	6													
130	000114	Huỳnh Thị Minh Tâm	29/01/2009	10A3	2.8	3.5	6.3	5	0.4	4.35	3	7.75	4	2.25	6.25	4.25	3.75	8													
131	000115	Nguyễn Chí Thành	17/07/2009	10A3	2.6	0	2.6	4	0.5	3.45	0.6	4.55	1.75	1.25	3	2.25	2.6	4.85													
132	000117	Tăng Thanh Tiến	06/01/2009	10A3	3.4	3.75	7.15	5.8	0.4	3.75	1.1	5.25	4.5	2	6.5	4.5	4.5	9													
133	000122	Nguyễn Gia Bảo	06/01/2009	10A3	2	3	5	5.3	0.6	5.1	2.5	8.2	3.25	2	5.25	3	4.25	7.25													
134	000123	Huỳnh Thị Ngọc Châu	10/02/2009	10A3	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng													
135	000124	Trương Quang Duy	08/05/2009	10A3	2	1.6	3.6	5.8	0.4	3.45	0.9	4.75	2.75	1.25	4	2.5	1.75	4.25													
136	000125	Lê Tấn Đạt	15/02/2009	10A3	2.6	3.5	6.1	6.5	0.6	3.6	2	6.2	4	1.25	5.25	4	3.75	7.75													

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
137	000126	Phùng Quý Đức	18/10/2009	10A3	2.6	3.75	6.35	6.8	0.8	3.75	2.8	7.35	4.5	2.25	6.75	4	4.25	8.25				4	3.75	7.75							
138	000129	Lê Hoàng Quốc Huy	05/05/2009	10A3	2.6	2.6	5.2	6.5	0.2	4.05	2.9	7.15	3.75	2	5.75	3.5	3.5	7				4.25	3.5	7.75							
139	000131	Lương Gia Kiệt	12/10/2009	10A3	2.4	1.25	3.65	6.5	0.6	3.45	1.8	5.85	3.25	1.5	4.75	4	3.25	7.25				4.25	4.5	8.75							
140	000132	Lưu Hoàng Long	25/01/2009	10A3	3	3.25	6.25	6.8	0.5	4.05	3	7.55	4.5	1.75	6.25	4	3.5	7.5				3.25	3.25	6.5							
141	000135	Nguyễn Thành Phát	17/10/2009	10A3	6.5	0	6.5	5	0.5	3.4	3	6.9	3	0.5	3.5	2.5	3.6	6.1				4.5	3.75	8.25							
142	000138	Lê Trần Mỹ Tâm	21/08/2009	10A3	2.2	3.75	5.95	6	0.7	4.2	3	7.9	4.5	3	7.5	4	3.75	7.75				4.75	4	8.75							
143	000139	Huỳnh Mai Ngọc Thảo	12/11/2009	10A3	2.6	3.25	5.85	6.8	0.8	4.35	2.9	8.05	4.75	2.25	7	4.25	4.5	8.75				4.5	4.5	9							
144	000146	Trương Quốc Bình	11/02/2009	10A4	3.6	5	8.6	3	0.7	4.5	3	8.2	4.5	3	7.5	4.5	3.5	8				5	3.75	8.75	4	3.75	7.75				
145	000147	Đào Lê Anh Dũng	28/08/2009	10A4	2.6	4	6.6	5	0.8	3.3	1.7	5.8	2.25	1.5	3.75	2.25	2.35	4.6				3.25	1.25	4.5	1.75	1.25	3				
146	000150	Nguyễn Huy Hoàng	23/03/2009	10A4	3	5	8	5.8	0.2	3.75	2.8	6.75	5	2.25	7.25	3.75	3.5	7.25				4.25	3	7.25	3.75	2.75	6.5				
147	000152	Phạm Nguyễn Thanh Hương	10/08/2009	10A4	2.8	2.75	5.55	5.5	0.4	4.35	2.6	7.35	4.25	1.75	6	2.5	2.75	5.25				4.25	4.5	8.75	3.5	2.85	6.35				
148	000153	Huỳnh Đăng Khôi	27/12/2009	10A4	3.2	3.25	6.45	4	0.7	4.95	2.1	7.75	3.5	2	5.5	2.5	3.75	6.25				3.75	0.75	4.5	3.5	3.75	7.25				
149	000154	Dương Lê Phương Linh	30/07/2009	10A4	2.4	4	6.4	5.3	0.5	2.85	2.2	5.55	3.75	1.75	5.5	1	1.25	2.25				3.75	4.5	8.25	2.5	2.85	5.35				
150	000157	Nguyễn Trí Nguyên	29/03/2009	10A4	3.2	5	8.2	6	0.4	3.75	2	6.15	4.75	2.75	7.5	3.5	3.25	6.75				4.75	4.5	9.25	4	2.85	6.85				
151	000158	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	17/04/2009	10A4	2.6	3.75	6.35	3.8	0.4	1.65	0.7	2.75	3.25	2	5.25	1.5	3.5	5				2.25	1.5	3.75	0.75	2.5	3.25				
152	000159	Nguyễn Tiến Phát	21/11/2009	10A4	3.4	3.75	7.15	5.5	0.6	3.3	2.1	6	3.5	2.25	5.75	4	3.25	7.25				4.25	1.5	5.75	3.75	1.5	5.25				
153	000160	Sơn Tấn Phúc	29/05/2009	10A4	2.8	4	6.8	3.8	0.8	4.2	2.3	7.3	4.25	3	7.25	3.5	3	6.5				3.75	3	6.75	3	3	6				
154	000163	Nguyễn Trần Anh Thư	28/05/2009	10A4	3	4.5	7.5	4	0.4	4.05	3	7.45	3.75	2	5.75	3.5	2.5	6				3.75	3.75	7.5	2	3	5				
155	000167	Nguyễn Như Ý	05/12/2009	10A4	2.8	3.25	6.05	5.8	0.5	4.05	2.5	7.05	4.5	2	6.5	3.25	1.1	4.35				4.25	2.5	6.75	3.5	3.1	6.6				
156	000170	Châu Minh Chí	27/01/2009	10A4	3.8	4	7.8	6.3	0.5	3.75	1.3	5.55	4.5	2.25	6.75	4.25	3.5	7.75				5	4.25	9.25	3.75	3.85	7.6				
157	000171	Phạm Thị Phương Duy	08/09/2009	10A4	3.6	5	8.6	7	0.8	3.15	3	6.95	5	3	8	4	3.5	7.5				4.25	4	8.25	3.25	3.5	6.75				
158	000172	Nguyễn Minh Đức	30/06/2009	10A4	3.6	4.75	8.35	5.5	0.7	4.2	2.5	7.4	4.5	2.75	7.25	3.75	3.25	7				4.75	2.75	7.5	3.75	5.25	9				
159	000174	Nguyễn Nhật Hoàng	10/01/2009	10A4	3	4.5	7.5	7.5	0.6	3	2.6	6.2	4.25	3.25	7.5	4	4.25	8.25				4.5	4.25	8.75	4	2.25	6.25				
160	000175	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	16/06/2009	10A4	3.4	5	8.4	6.3	0.6	3.6	2.6	6.8	4.75	2.25	7	4.25	3.75	8				4.75	4.5	9.25	4	3	7				
161	000178	Đặng Hoàng Long	02/03/2009	10A4	3.4	4	7.4	5.8	0.8	4.2	2.1	7.1	4	2	6	3	1.6	4.6				3.5	4.25	7.75	2.75	4	6.75				
162	000182	Nguyễn Ngọc Yến Như	12/09/2009	10A4	2.4	4	6.4	5	0.4	4.5	3	7.9	3.75	3	6.75	3.75	3.5	7.25				4.25	4.5	8.75	4	4	8				
163	000183	Lê Hoàng Phú	01/02/2009	10A4	3	3.1	6.1	5	0.8	4.2	2.7	7.7	4.5	2.5	7	3.5	4	7.5				3.75	4.25	8	3.5	3.85	7.35				
164	000184	Võ Lê Bảo Phúc	31/10/2009	10A4	3.2	3	6.2	5.8	0.5	3.6	2.2	6.3	3.5	1.75	5.25	3.5	1.6	5.1				3.5	4	7.5	3	1.35	4.35				
165	000186	Võ Hoàng Thịnh	01/08/2009	10A4	2.4	2	4.4	3.3	0.6	3.75	2.2	6.55	3	1.75	4.75	2.75	2	4.75				3	2	5	2.75	1.85	4.6				
166	000191	Nguyễn Hữu Thế Anh	14/04/2009	10A4	3.4	3.75	7.15	6.3	0.3	3.45	2.8	6.55	3.75	1.5	5.25	4	3.25	7.25				4	3.25	7.25	3.5	3.5	7				
167	000192	Nguyễn Xuân Bắc	12/03/2009	10A4	2.6	4	6.6	4.8	0.4	2.4	1	3.8	3	2.5	5.5	2.5	1.5	4				3.75	1	4.75	2.25	1.35	3.6				
168	000194	Phạm Tấn Đạt	28/08/2009	10A4	3.2	4	7.2	5	0.7	3.6	2.9	7.2	3.75	2	5.75	2.5	3.5	6				3.25	3.25	6.5	4	3.25	7.25				
169	000195	Nguyễn Trần Mỹ Hà	29/07/2009	10A4	2.8	3.6	6.4	6.5	0.5	3.3	2.5	6.3	4.5	2	6.5	3.25	4.25	7.5				3.75	4.25	8	3	3	6				
170	000199	Lê Nguyễn Kim Khánh	28/06/2009	10A4	3.4	4	7.4	8.8	0.5	4.35	3	7.85	4.5	3	7.5	3.75	3.75	7.5				4.75	5	9.75	4	4.5	8.5				
171	000200	Giang Thành Lâm	19/09/2009	10A4	3.8	4	7.8	8	0.6	4.35	3	7.95	4.25	3.25	7.5	4	4.25	8.25				5	4	9	4	3.25	7.25				
172	000201	Ngô Tấn Lộc	10/07/2009	10A4	2.8	3.75	6.55	6	0.5	3.45	1.9	5.85	4.25	4.25	8.5	3	3.6	6.6				3.25	3	6.25	3.25	3.75	7				
173	000202	Nguyễn Đặng Quốc Minh	19/01/2009	10A4	3.6	4	7.6	6.5	0.8	3.15	1.4	5.35	4	1.75	5.75	2.25	3.5	5.75				4.75	3.25	8	3.5	2.5	6				
174	000206	Ngô Hồng Phúc	06/10/2009	10A4	3.2	2.85	6.05	5	0.6	3.45	2	6.05	3.25	1.5	4.75	2.5	3.25	5.75				4.25	2	6.25	3	2.25	5.25				
175	000209	Huỳnh Anh Thư	12/11/2009	10A4	3.4	3.75	7.15	7.5	0.3	3.75	2.2	6.25	4.5	3	7.5	2.75	3	5.75				4.5	4.25	8.75	3.5	4.35	7.85				
176	000212	Đặng Thế Vinh	31/03/2009	10A4	2.8	3	5.8	6.3	0.8	4.5	1.9	7.2	3.75	1.75	5.5	3.75	3.75	7.5				3.25	4	7.25	3	2.75	5.75				
177	000213	Phan Thúy Vy	26/07/2009	10A4	3.2	4	7.2	7	0.7	3.75	3	7.45	4	2.75	6.75	3.5	3.25	6.75				4.5	4.75	9.25	4	3.5	7.5				
178	000214	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	19/01/2009	10A4	3.6	4	7.6	8.3	0.5	4.5	3	8	4.75	3.25	8	3.75	3	6.75				5	4.5	9.5	4	4.75	8.75				
179	000215	Nguyễn Thiên Bình	21/10/2009	10A4	1.8	2.35	4.15	4.5	0.7	3.9	2.6	7.2	4	2.25	6.25	3.25	3.75	7	4	4.5	8.5	3.75	3.75	7.5							
180	000216	Trần Nhật Thụy Du	21/05/2009	10A4	3.2	4	7.2	5	0.5	3.75	3	7.25	4	3	7	4.5	4	8.5	4.25	4	8.25	4	2.75	6.75							
181	000218	NGUYỄN HOÀNG GIA HÂN	18/09/2009	10A4	3.6	4	7.6	6.3	0.4	3.6	2.4	6.4	4.25	2.5	6.75	3.5	3.75	7.25	3.5	4	7.5	2.5	2	4.5							
182	000219	Nguyễn Đức Hiếu	09/06/2009	10A4	3.4	4.25	7.65	6.8	0.7	3.45	2.2	6.35	3.75																		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
183	000221	Vũ Viết Gia Hưng	15/10/2009	10A4	3.6	4	7.6	7.5	0.5	4.2	3	7.7	3.75	2.75	6.5	4	3.5	7.5				4.75	4.5	9.25	4	4	8				
184	000223	Nguyễn Thụy Trúc Lâm	22/01/2009	10A4	3.8	5	8.8	6.3	0.7	4.05	2.5	7.25	4	2.5	6.5	3.5	4.5	8				4.25	4.25	8.5	3.5	3.5	7				
185	000225	Hồ Hoài Nam	15/12/2009	10A4	4	4.25	8.25	8	0.5	4.2	2.1	6.8	4.75	3.25	8	4.25	3.75	8				5	4.75	9.75	4	4.25	8.25				
186	000226	Lê Hồ Bảo Ngọc	09/06/2009	10A4	3.4	3.5	6.9	6.5	0.4	4.2	2.5	7.1	3	2.25	5.25	2.5	3.5	6				4.25	3	7.25	3.25	3.25	6.5				
187	000230	Phạm Vũ Duy Quyên	29/01/2009	10A4	3	3.5	6.5	7.8	0.5	4.35	2.6	7.45	4	2.75	6.75	3.25	3.25	6.5				3.25	3.75	7	4	3.5	7.5				
188	000233	Thạch Lê Phương Trinh	02/04/2009	10A4	3.4	3.75	7.15	7.5	0.4	3.45	2.8	6.65	3.5	2.25	5.75	3.5	4.1	7.6				3.5	4	7.5	3	3.75	6.75				
189	000235	Hoàng Hồ Tường Vy	09/12/2009	10A4	4	5.25	9.25	7	0.8	4.2	2.6	7.6	4.75	2.5	7.25	4	3.85	7.85				4	3.75	7.75	3.75	3.5	7.25				
190	000144	Đặng Quỳnh Anh	23/09/2009	10A5	3.6	4.25	7.85	6.5	0.7	3.3	2.1	6.1	3.25	2.5	5.75	3.5	4	7.5				3.75	3.25	7	3.5	3.75	7.25				
191	000145	Võ Phạm Thiên Ân	06/06/2009	10A5	3.4	3.75	7.15	5.8	0.8	4.35	3	8.15	3.25	2.5	5.75	4.75	4	8.75				4.75	4.5	9.25	4	4.5	8.5				
192	000148	Trịnh Châu Đoan	25/08/2009	10A5	2.8	3.75	6.55	7.5	0.6	2.85	1.9	5.35	3.75	1.5	5.25	4	3.75	7.75				4.5	4	8.5	4	3.25	7.25				
193	000149	Nguyễn Thị Ngọc Hân	04/01/2009	10A5	3.8	4	7.8	6.8	0.5	4.8	2.5	7.8	4.5	2.75	7.25	4.75	5	9.75				4.75	4.5	9.25	4	2.85	6.85				
194	000151	Nguyễn Xuân Gia Huy	18/03/2009	10A5	2.4	5	7.4	5.8	0.7	2.7	1.8	5.2	2.25	1.75	4	3	4.5	7.5				4.25	4	8.25	4	3.5	7.5				
195	000155	Phùng Duy Mạnh	22/09/2009	10A5	2.6	3.6	6.2	4	0.5	4.05	1.3	5.85	2.25	1.75	4	2.75	3.25	6				4	3.75	7.75	3.75	3.85	7.6				
196	000156	Phan Trung Nghĩa	19/01/2009	10A5	2.4	4	6.4	5	0.4	3.6	3	7	5	3.25	8.25	4.5	5	9.5				5	4.5	9.5	4	4.1	8.1				
197	000161	Nguyễn Thái Sơn	05/12/2009	10A5	2.2	3	5.2	3.8	1	2.55	1.2	4.75	2.5	1.75	4.25	2.5	3.5	6				3.5	2.75	6.25	2.5	1.75	4.25				
198	000162	Nguyễn Thị Xuân Thi	25/04/2009	10A5	3.2	4	7.2	5.8	0.7	4.05	3	7.75	5	3.25	8.25	4	4.5	8.5				4.5	4.25	8.75	4	4	8				
199	000164	Cao Anh Tú	04/01/2009	10A5	2.4	2.25	4.65	3.5	0.7	3.6	2.6	6.9	3	1.5	4.5	2.5	3.5	6				3.75	3.25	7	3.75	3.25	7				
200	000165	Nguyễn Tường	03/06/2009	10A5	2.4	2	4.4	5.5	0.4	2.85	0.4	3.65	2.25	1	3.25	3.25	4	7.25				3.5	3.5	7	2	0.85	2.85				
201	000166	Hoàng Thị Kiều Vy	03/10/2009	10A5	3	3	6	4	0.4	3.15	1.3	4.85	3.5	1.5	5	3.5	3.75	7.25				3.25	3.5	6.75	2.25	3	5.25				
202	000168	Hoàng Tuấn Anh	02/11/2009	10A5	3.6	3.5	7.1	6.3	0.6	3.6	2.2	6.4	4.5	1.75	6.25	2.25	3.75	6				4.5	4.25	8.75	3.5	3.5	7				
203	000169	Nguyễn Gia Bảo	30/12/2009	10A5	2.8	3.75	6.55	6	0.7	4.2	2.8	7.7	4.75	2.75	7.5	4.75	5	9.75				5	3.75	8.75	4	4.5	8.5				
204	000173	Võ Thị Phúc Hậu	07/06/2009	10A5	3	2.75	5.75	6	0.7	3.75	3	7.45	3	1	4	4.5	3.75	8.25				4.25	5	9.25	2.75	3.75	6.5				
205	000176	Lâm Bảo Khang	03/01/2009	10A5	2.6	3.25	5.85	5.5	0.4	3.9	2.4	6.7	3	1.5	4.5	4	3.6	7.6				4	4	8	3.5	2.5	6				
206	000177	Nguyễn Lê Anh Khôi	15/10/2008	10A5	2.2	1.75	3.95	3.8	0.6	3.75	1.3	5.65	2.5	1.5	4	3.75	3.35	7.1				4.75	4.5	9.25	2.5	1.5	4				
207	000179	Lý Nhật Minh	20/07/2009	10A5	3	1.85	4.85	5.5	0.5	2.25	1.7	4.45	2.25	1.75	4	2.75	3.75	6.5				5	4.5	9.5	2.5	3	5.5				
208	000180	Đào Kim Bảo Ngọc	07/01/2009	10A5	2.6	2.25	4.85	5.5	0.5	3.3	2	5.8	3.25	1.5	4.75	5	4	9				4	2.75	6.75	3.5	4.5	8				
209	000181	ĐẶNG HỒNG PHƯƠNG NHI	02/01/2009	10A5	2.2	3.25	5.45	4.8	0.3	3.3	2.5	6.1	1.5	1	2.5	3.25	4	7.25				4	4	8	3.75	3.75	7.5				
210	000185	Nguyễn Duy Tâm	30/04/2009	10A5	2	2.75	4.75	5	0.7	1.8	0.4	2.9	2.75	1.75	4.5	3	4.5	7.5				3.75	3.75	7.5	2.25	2.85	5.1				
211	000187	Võ Đoàn Anh Thư	06/11/2009	10A5	1.8	3.25	5.05	5.8	0.6	2.55	2.5	5.65	4	2	6	4.25	4	8.25				3.75	4	7.75	3.75	3.5	7.25				
212	000188	Trương Ngọc Thanh Tú	25/09/2009	10A5	2.6	2.6	5.2	5.3	0.4	3.15	3	6.55	4.75	2.25	7	4.25	3	7.25				4.75	4.5	9.25	4	3.5	7.5				
213	000189	Trần Thị Thu Uyên	18/03/2009	10A5	2.4	3.6	6	5.3	0.6	3.6	2.9	7.1	2.5	1.5	4	4.75	4.25	9				4.25	4.5	8.75	1.5	2.75	4.25				
214	000190	Phan Hồng Phương Vy	15/08/2009	10A5	3.2	2.5	5.7	5.8	0.5	3.9	1.9	6.3	3.25	1.75	5	3	4.5	7.5				5	4.25	9.25	3.5	3.5	7				
215	000193	Lê Huỳnh Thanh Diệu	20/10/2009	10A5	2.2	2.5	4.7	5	0.4	2.7	2.8	5.9	2.25	1.75	4	3.5	3.75	7.25				4	3.25	7.25	1.5	2.45	3.95				
216	000196	Hoàng Minh Hiếu	29/10/2009	10A5	3.2	4	7.2	5	0.8	2.4	2.8	6	4.25	1.75	6	3.75	3.75	7.5				4.25	1.25	5.5	3.75	3.25	7				
217	000197	Lê Bá Nhật Huy	21/12/2009	10A5	2	3	5	5	0.5	4.05	2.1	6.65	4.25	2	6.25	4	5	9				3.75	4.25	8	3.5	2.75	6.25				
218	000198	Huỳnh Phúc Hưng	02/03/2009	10A5	2.8	3.75	6.55	6.5	0.6	3.75	3	7.35	4.75	1.5	6.25	3.75	4.25	8				4.25	3.25	7.5	4	2.5	6.5				
219	000203	Lê Ánh Ngọc	28/08/2009	10A5	2.2	4.25	6.45	7	0.6	3	3	6.6	3	1.5	4.5	4.5	5	9.5				4.75	4	8.75	4	3.25	7.25				
220	000204	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	13/09/2009	10A5	2.4	3.25	5.65	6	0.4	4.65	2.6	7.65	2	1.5	3.5	4.25	3.6	7.85				4.75	4	8.75	4	4	8				
221	000205	Hồ Thị Hồng Oanh	12/08/2008	10A5	2.8	4.75	7.55	7.8	0.3	4.2	3	7.5	5	3	8	4.75	5	9.75				5	4.75	9.75	4	4.5	8.5				
222	000207	Trần Mai Quang	24/08/2009	10A5	3.4	3.25	6.65	5	0.6	3.45	2.9	6.95	2.75	1.5	4.25	4.25	3.75	8				3.25	3.25	6.5	2.5	3.25	5.75				
223	000208	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	23/02/2009	10A5	2	3.25	5.25	6.5	0.4	4.35	2.3	7.05	4.25	1.25	5.5	3.5	5	8.5				4.75	3	7.75	2.25	4.25	6.5				
224	000210	Trần Nguyễn Gia Trí	17/09/2009	10A5	3.2	5	8.2	6.8	0.6	3.45	3	7.05	5	2.5	7.5	2.75	4.5	7.25				4	4.25	8.25	1.5	4	5.5				
225	000211	Nguyễn Phạm Tuấn	12/03/2009	10A5	3	4	7	6.3	0.4	3.3	2.1	5.8	2.25	1.75	4	3.25	3.5	6.75				4	4.5	8.5	2.25	4	6.25				
226	000217	Lê Huỳnh Hải Đăng																													

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
229	000224	Hoàng Ngọc Xuân Mai	20/03/2009	10A5	3	4.1	7.1	7.3	0.7	4.2	2.7	7.6	3.25	3.5	6.75	4.75	4.5	9.25				4	4	8	4	3.75	7.75				
230	000227	Lê Đỗ Thành Nhân	03/07/2009	10A5	3	4.5	7.5	5.5	0.6	3.9	2.2	6.7	4	4.25	8.25	4.5	4.5	9				4.75	4.25	9	3.5	2.75	6.25				
231	000228	Lê Minh Phát	26/07/2009	10A5	2.6	4	6.6	4.3	0.7	5.55	1.6	7.85	2.5	1.5	4	4	3	7				4.5	4	8.5	3	3	6				
232	000229	Nguyễn Đình Phúc	02/06/2009	10A5	3.4	4	7.4	5.3	0.5	3.9	3	7.4	4	3.75	7.75	4.5	4	8.5				4.25	4.25	8.5	3.75	3.5	7.25				
233	000231	Nguyễn Ngọc Thi	11/07/2009	10A5	2.8	2.6	5.4	5.8	0.4	4.8	2.5	7.7	3.25	2	5.25	4.25	3.75	8				3.5	1.5	5	2.25	1.5	3.75				
234	000232	Nguyễn Đào Anh Thư	08/02/2009	10A5	2.6	1.85	4.45	4	0.6	3.3	1.3	5.2	4.25	1	5.25	3	3.25	6.25				3.75	1.25	5	3	1.25	4.25				
235	000234	Dương Thanh Tuấn	06/09/2009	10A5	1.4	1.75	3.15	5.5	0.7	3.6	1	5.3	2	1.25	3.25	2.5	2.75	5.25				3.25	2.5	5.75	1.75	2.75	4.5				
236	000236	Trương Kim Vy	29/08/2009	10A5	2.4	3.25	5.65	5.8	0.7	3.45	2.2	6.35	2.25	1.5	3.75	3.25	3.25	6.5				4.75	2	6.75	2.25	3.1	5.35				
237	000237	Nguyễn Văn Phúc An	22/02/2009	10A6	3	4.25	7.25	5	0.7	3	1.3	5	4	1.5	5.5	2.5	3.5	6				3.25	3.25	6.5				3.25		1.75	5
238	000238	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	05/07/2009	10A6	3.8	4.75	8.55	4.5	0.7	3.15	2.6	6.45	4.5	3.5	8	4.25	3.25	7.5				4.75	4.5	9.25				4.25		3.5	7.75
239	000239	Nguyễn Ngọc Linh Đan	15/11/2009	10A6	3.6	4	7.6	6.5	0.6	4.05	2.6	7.25	4.5	2.75	7.25	3.5	4.25	7.75				4.5	4.5	9				4.75		4	8.75
240	000240	Nguyễn Khánh Đăng	06/12/2009	10A6	3.6	4.75	8.35	5.8	0.5	4.05	2.7	7.25	5	3.25	8.25	3.5	3.25	6.75				4.75	4.75	9.5				3.5		3	6.5
241	000241	Trần Kim Hiền	01/09/2009	10A6	2	1.1	3.1	4.5	0.7	4.2	1.6	6.5	1.5	1.75	3.25	1	2.75	3.75				4	3.75	7.75				3		2.5	5.5
242	000242	Lý Gia Huy	26/07/2009	10A6	2.8	2	4.8	4.5	0.5	3.9	2.6	7	3.5	2.5	6	2.75	3.1	5.85				4.25	4	8.25				4.25		2.25	6.5
243	000243	Nguyễn Gia Hưng	29/05/2009	10A6	3.2	3.25	6.45	5	0.8	3.9	1.3	6	4.5	1	5.5	2.75	4	6.75				4.75	3	7.75				3.75		3.5	7.25
244	000244	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	22/10/2009	10A6	3.4	3.5	6.9	4.5	0.7	4.2	3	7.9	4.25	2	6.25	3	3.75	6.75				4.25	4.5	8.75				4.5		3.25	7.75
245	000245	Nguyễn Phan Trúc Lam	10/11/2009	10A6	3.6	3.75	7.35	5.3	0.7	3.75	2.6	7.05	4.25	3.5	7.75	3.75	4	7.75				4.25	4.25	8.5				4.75		3.25	8
246	000246	Lê Nguyễn Phi Long	24/06/2009	10A6	3.2	2.5	5.7	4.5	0	4.2	0	4.2	4.5	0.75	5.25	2.5	3.75	6.25				3.25	3.25	6.5				3.5		3.75	7.25
247	000247	Mai Thu Ngân	05/08/2009	10A6	3.2	1.85	5.05	4.5	0.8	3.9	2.4	7.1	3.25	2.5	5.75	2.25	4.25	6.5				3.5	3.5	7				4.25		3.25	7.5
248	000248	Nguyễn Khánh Ngọc	05/10/2009	10A6	3.6	3.75	7.35	7.3	0	3.45	1.8	5.25	5	3	8	4	4.5	8.5				3.5	4.75	8.25				4.75		3.25	8
249	000249	Ven Ngọc Thảo Nguyên	23/07/2009	10A6	3.6	3.75	7.35	5.5	0.7	4.35	2.4	7.45	4	3.75	7.75	2.75	3.25	6				4.75	4.75	9.5				3.5		3.75	7.25
250	000250	Nguyễn Thy Nguyễn	09/10/2009	10A6	3	2	5	5.8	0.7	3.75	3	7.45	2.25	1.5	3.75	3.5	4	7.5				3.75	4.75	8.5				3.75		2.75	6.5
251	000251	Nguyễn Mạnh Phú	01/04/2009	10A6	3.4	2.25	5.65	6.5	0.7	3.3	1.8	5.8	4.75	1.25	6	3.25	4.5	7.75				4.75	4.5	9.25				4.5		3.5	8
252	000252	Nguyễn Như Quỳnh	28/07/2009	10A6	3.4	4.25	7.65	5	0.7	4.65	3	8.35	4.75	3.25	8	2.25	3.75	6				3.25	2.75	6				4		2.5	6.5
253	000253	Nguyễn Đoàn Nhã Tâm	05/10/2009	10A6	3.2	3	6.2	5.8	0.7	3.75	3	7.45	4.75	1.5	6.25	4.25	4	8.25				3.75	3.75	7.5				4.75		3.5	8.25
254	000254	Nguyễn Khoa Bảo Tịnh	27/12/2009	10A6	3.6	3.25	6.85	6.3	0.5	3.9	2.2	6.6	4.75	3.25	8	3.5	2.85	6.35				4.75	4.75	9.5				4.75		4	8.75
255	000255	Nguyễn Ngọc Trâm	14/09/2009	10A6	3.8	4.25	8.05	5.3	0.7	3.6	1.8	6.1	4	3.25	7.25	3.75	3.75	7.5				4.25	4	8.25				4.5		4	8.5
256	000256	Nguyễn Thị Yến Trinh	30/03/2009	10A6	3.4	3	6.4	5.8	0.7	5.1	2.9	8.7	4.75	3	7.75	3.75	4.5	8.25	5	4.75	9.75	5	4.75	9.75							
257	000257	Huỳnh Anh Tú	07/03/2009	10A6	3.8	5.25	9.05	5.5	0.7	4.95	3	8.65	5	4.25	9.25	3.5	3.5	7	4.5	5	9.5	4.75	4.25	9							
258	000258	Hoàng Phương Uyên	20/11/2009	10A6	3.6	2.75	6.35	6.5	0.6	4.65	3	8.25	2.25	2	4.25	3.5	3.75	7.25	4	2.75	6.75	4.75	3.5	8.25							
259	000259	Nguyễn Thị Thùy Vân	07/11/2009	10A6	2.8	1.75	4.55	5.3	0.7	3.45	1.2	5.35	3.5	1.25	4.75	3	4	7	3.75	4.5	8.25	4	4.25	8.25							
260	000260	Nguyễn Hoàng Vũ	22/03/2009	10A6	3.4	3	6.4	5	0.8	4.8	2.8	8.4	3.75	2.25	6	3.5	3.75	7.25	4.75	2.25	7	3.5	3	6.5							
261	000261	Đỗ Trần Hà Vy	19/03/2009	10A6	3.6	2.75	6.35	5	0.7	4.5	3	8.2	4.75	3.5	8.25	3.75	3.5	7.25	4.75	4.5	9.25	4.5	3.75	8.25							
262	000262	Phan Hoàng Gia An	20/11/2009	10A6	3.2	3.75	6.95	6	0.6	3.6	2.1	6.3	4.5	2.25	6.75	3.75	3.5	7.25	4.75	4.5	9.25	4.75	3.85	8.6							
263	000263	Phạm Bảo Ngọc Diệp	01/12/2009	10A6	3	4.5	7.5	5.3	0.7	4.35	3	8.05	4.5	2	6.5	3	3.6	6.6	4.75	4.75	9.5	4.75	4.25	9							
264	000264	Đinh Thành Đạt	08/01/2009	10A6	3.8	3.5	7.3	5	0.5	4.5	3	8	4.25	2.75	7	3.75	3.75	7.5	5	4.75	9.75	4.5	3.75	8.25							
265	000265	Bùi Quốc Hào	22/12/2009	10A6	3.6	3.25	6.85	5	0.4	2.85	2.4	5.65	4.25	2.75	7	3.75	3.5	7.25	4.5	4.5	9	4.5	4	8.5							
266	000266	Diệp Minh Huy	03/09/2009	10A6	3.6	4.25	7.85	5.8	0.7	4.5	3	8.2	4.25	4.25	8.5	4.25	3.75	8	4.75	4.75	9.5	4.75	4.25	9							
267	000267	Lê Dương Thanh Huyền	29/09/2009	10A6	3.4	2.5	5.9	6	0.9	3.75	1.8	6.45	3.25	2.5	5.75	3.5	3.1	6.6	4.5	4.25	8.75	3.75	3	6.75							
268	000268	Nguyễn Tuấn Khang	25/09/2009	10A6	3.4	4.75	8.15	6	0.7	4.05	2.5	7.25	4.5	3	7.5	3	4.5	7.5	4.25	4.25	8.5	4.25	3.85	8.1							
269	000269	Trần Ngọc Nhã Kỳ	06/02/2009	10A6	3.8	4	7.8	7	0.6	3.6	3	7.2	4.5	2.75	7.25	3.75	4	7.75	3.75	4.5	8.25	4.75	4.1	8.85							
270	000270	Nguyễn Khánh Phương Linh	30/04/2009	10A6	4	4.5	8.5	6.5	0.6	5.1	3	8.7	4.75	3.5	8.25	4	3.75	7.75	5	4.75	9.75	4.75	3.5	8.25							
271	000271	Hoàng Vũ Trà My	18/05/2009	10A6	3.2	2.25	5.45	6	0.7	3.6	1.4	5.7	2	2.2																	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
275	000275	Phạm Vũ Quỳnh Như	10/05/2009	10A6	3.6	4.25	7.85	6.5	0.8	4.35	3	8.15	4.5	3.75	8.25	4	3.75	7.75				4.75	4.75	9.5				4.5	3.85	8.35	
276	000276	Nguyễn Gia Phúc	23/08/2009	10A6	3.6	3.25	6.85	5	0.8	3.75	2.2	6.75	4	2.25	6.25	2.75	4.25	7				3.5	4	7.5				4.5	3.6	8.1	
277	000277	Lê Thanh Tâm	12/06/2009	10A6	3.8	4.75	8.55	5.8	0.8	3.9	3	7.7	4	4	8	2.75	3.5	6.25				4.25	2.75	7				3.75	2.25	6	
278	000278	Lê Huyền Thanh	05/08/2009	10A6	3.6	4	7.6	6.3	0.7	3	2.5	6.2	4	2.25	6.25	3	3.75	6.75				3.75	4.5	8.25				4.5	4.25	8.75	
279	000279	Nguyễn Đăng Bảo Trâm	10/11/2009	10A6	3.4	3.5	6.9	7	0.7	3.9	3	7.6	5	2.5	7.5	4	4	8				4.25	4.75	9				4.25	4	8.25	
280	000280	Lê Hải Triều	08/06/2009	10A6	3	3.5	6.5	5.8	0.7	3.9	2	6.6	2.75	1.5	4.25	2.25	3.75	6				3.5	2	5.5				3.5	2.35	5.85	
281	000281	Hồ Xuân Tú	19/09/2009	10A6	3.8	3.25	7.05	5	0.8	3.6	2.5	6.9	4.75	3.75	8.5	3.25	4	7.25				4	2.75	6.75				3.75	3.25	7	
282	000282	Trương Hoàng Tuấn	07/02/2009	10A6	2.8	1.5	4.3	5	0.6	4.2	2.2	7	4	2.25	6.25	4	3.75	7.75				4	3.5	7.5				4.25	1.35	5.6	
283	000283	Đỗ Y Vân	09/09/2009	10A6	3.2	3.5	6.7	6.3	0.5	3.45	2.9	6.85	4.5	2.75	7.25	4	4.5	8.5				4.5	4.75	9.25				5	4.25	9.25	
284	000284	Nguyễn Quốc Vinh	15/02/2009	10A6	3.6	4	7.6	6.5	0.8	3.9	3	7.7	5	3.25	8.25	3.5	3	6.5				4.75	4.25	9				4.75	4	8.75	
285	000285	Võ Huy Vũ	15/05/2009	10A6	3.2	2.5	5.7	5.5	0.7	3.75	1.4	5.85	3.25	1.75	5	3.25	3.5	6.75	3.5	3.5	7	3.25	2.85	6.1							
286	000286	Lư Huỳnh Nguyên An	08/11/2009	10A7	2.6	1.75	4.35	6.5	0.8	4.05	2.6	7.45				1.5	3.25	4.75	3.75	4.4	8.15	3.5	1.75	5.25	3.5	3.5	7				
287	000287	Phạm Thùy Phương Anh	22/01/2009	10A7	2.4	3	5.4	6.5	0.7	3.6	2.1	6.4				3	3.35	6.35	3.75	4.5	8.25	3.75	3.25	7	3.75	2.5	6.25				
288	000288	Nguyễn Duy Bình	01/01/2009	10A7	3.6	3	6.6	8	0.5	3.9	3	7.4				4.5	3.5	8	4	4.9	8.9	5	4.75	9.75	5	2	7				
289	000289	Trần Thành Đạt	03/01/2009	10A7	3.4	5	8.4	8	0.3	3.9	2.6	6.8				5	4.75	9.75	4	5.75	9.75	4.75	4.25	9	4.25	5	9.25				
290	000290	Bùi Trịnh Quốc Huy	07/11/2009	10A7	3.6	2	5.6	3	0.6	2.55	1.1	4.25				3.25	3.1	6.35	3.75	4.15	7.9	3.75	1.25	5	3.5	2.5	6				
291	000291	Đinh Quốc Hưng	11/02/2009	10A7	3	3.25	6.25	6.5	0.5	4.95	0.9	6.35				4	3.5	7.5	4	5.65	9.65	4.5	4.25	8.75	4.5	4	8.5				
292	000292	Lê Thị Như Kiều	09/09/2009	10A7	2.4	2.5	4.9	5	0.6	4.95	3	8.55				1.75	2.5	4.25	4	5.15	9.15	3.75	2.25	6	4.25	2.5	6.75				
293	000293	Lê Nguyễn Tường Lam	15/08/2009	10A7	2.8	1.35	4.15	5	0.4	3.9	3	7.3				1.5	2.5	4	4	5.65	9.65	3.5	1	4.5	4.25	4.25	8.5				
294	000294	Trịnh Khang Lâm	20/06/2009	10A7	2.8	2.75	5.55	4.8	0.2	4.2	2.9	7.3				3.75	4	7.75	4	4.65	8.65	4	1.75	5.75	3	2.25	5.25				
295	000295	Phạm Thị Loan	14/08/2009	10A7	2.4	2.25	4.65	5	0.4	3.75	3	7.15				3	2.25	5.25	4	5.65	9.65	3.25	3	6.25	4	2.25	6.25				
296	000296	Lâm Thị Ngọc Mỹ	13/12/2009	10A7	2.8	3	5.8	5.3	0.5	3.6	2.9	7	4.25	3.75	8	4	5.65	9.65	3.5	3.75	7.25	4.25	2	6.25							
297	000297	Nguyễn Hoàng Bảo Nghi	15/09/2009	10A7	3	3.6	6.6	5.3	0.5	4.35	1.2	6.05	2.5	3.5	6	4	4.75	8.75	4.25	1.5	5.75	4.75	2.5	7.25							
298	000298	Đào Vũ Khôi Nguyên	12/11/2009	10A7	2.2	1.6	3.8	5	0.2	3	0.9	4.1	3	2.85	5.85	3.75	4.9	8.65	2	1.25	3.25	3.75	2.5	6.25							
299	000299	Nguyễn Uyển Nhi	13/09/2009	10A7	3.2	3.75	6.95	5	0.5	3.6	2.5	6.6	2.25	3.5	5.75	3.25	4.65	7.9	3.75	4	7.75	4.75	2.5	7.25							
300	000300	Nguyễn Hoàng Bảo Phúc	25/11/2009	10A7	3.2	2.25	5.45	5	0.5	4.5	2.6	7.6	4.25	3.6	7.85	4	5.65	9.65	3.25	1.25	4.5	3.25	2	5.25							
301	000301	Trần Thị Diệu Thảo	08/09/2009	10A7	3	3.25	6.25	6.8	0.6	3.9	2.6	7.1	4.25	3.6	7.85	3.75	4.15	7.9	4.5	4.25	8.75	4.25	3.5	7.75							
302	000302	Nguyễn Anh Thư	30/11/2009	10A7	3	3.5	6.5	6.5	0.7	3.9	2.5	7.1	3.25	3.75	7	4	4.5	8.5	4	3.25	7.25	3.25	2.5	5.75							
303	000303	Trần Ngọc Kim Tiền	21/09/2009	10A7	2.2	1.5	3.7	5.5	0.7	2.4	2.1	5.2	3	2.25	5.25	3.5	4.4	7.9	3.25	1.75	5	4.75	2	6.75							
304	000304	Nguyễn Trần Thanh Trà	21/09/2009	10A7	2.8	3	5.8	6.8	0.7	4.95	3	8.65	3.25	3.75	7	4	5.15	9.15	3.25	3	6.25	2.75	2.25	5							
305	000305	Nguyễn Toàn Minh Trí	22/05/2009	10A7	2.8	2.35	5.15	5	0.8	2.55	2.9	6.25	1.5	3.75	5.25	4	4.65	8.65	4	3.5	7.5	4.25	1	5.25							
306	000306	Võ Thanh Tùng	28/12/2009	10A7	3.2	3.5	6.7	5.8	0.7	3.75	2.9	7.35	3.25	3.25	6.5	4	5.4	9.4	3.75	3	6.75	4.25	3.75	8							
307	000307	Phạm Thị Thảo Vi	19/10/2009	10A7	3.2	3.35	6.55	5.3	0.3	3.9	2.1	6.3	4	3	7	4	4.95	8.95	4.25	4	8.25	4.75	3	7.75							
308	000308	Lã Nguyễn Khánh Vy	29/12/2009	10A7	2.6	4	6.6	6.8	0.5	2.7	2.6	5.8	4	4.25	8.25	4	5.4	9.4	4	3.75	7.75	5	3.5	8.5							
309	000309	Trần Ngọc Phương Vy	13/07/2009	10A7	3.2	4	7.2	6.8	0.7	4.65	2.9	8.25	4.75	3.25	8	4	5.4	9.4	4.5	4.75	9.25	4.75	4.5	9.25							
310	000310	Trương Minh Anh	01/01/2009	10A7	3.2	3.35	6.55	6	0.5	3.9	2.9	7.3	3.5	3.5	7	4	5.55	9.55	3.25	4.25	7.5	3.5	3.5	7							
311	000311	Nguyễn Lâm Phương Doanh	09/02/2009	10A7	3.8	3.5	7.3	5.5	0.5	4.05	3	7.55	3.75	3.5	7.25	3.75	5.25	9	4.75	4.5	9.25	4.25	4.25	8.5							
312	000312	Phạm Thị Hồng Hoa	28/02/2009	10A7	3.4	3.25	6.65	5.8	0.4	4.05	3	7.45	4	4.25	8.25	4	5.9	9.9	5	5	10	4.5	3.5	8							
313	000313	Trần Ngọc Huyền	04/06/2009	10A7	3	3.75	6.75	7.5	0.6	4.2	3	7.8	5	4.75	9.75	4	5.75	9.75	4.75	4.75	9.5	5	4	9							
314	000314	Đinh Nguyễn Tuấn Khang	29/08/2009	10A7	3.2	3	6.2	6	0.4	4.05	2.9	7.35	4.25	3.5	7.75	4	5.75	9.75	4.25	3.75	8	4.25	4	8.25							
315	000315	Hồ Tuyết Kỳ	13/07/2009	10A7	4	3.75	7.75	7.5	0.8	4.8	3	8.6	4.75	4.25	9	4	5.4	9.4	5												

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
321	000321	Phạm Hoàng Đăng Nguyên	15/10/2009	10A7	3	2.25	5.25	5	0.4	2.7	2.9	6				3.5	3.5	7	4	5.25	9.25	4.5	4.25	8.75				4.25	3.85	8.1	
322	000322	Hà Thúc An Phú	24/03/2009	10A7	3.4	4.5	7.9	6	0.7	4.05	2.9	7.65				4	3.6	7.6	3.25	5.15	8.4	4.5	3.5	8				4.25	2.75	7	
323	000323	Nguyễn Hoàng Long Phụng	11/02/2009	10A7	3	3.75	6.75	6.8	0.8	3	2.9	6.7				4.75	4.75	9.5	4	5.9	9.9	4.25	4.5	8.75				4.5	4.25	8.75	
324	000324	Võ Nguyễn Vy Thảo	14/07/2009	10A7	3.2	3.25	6.45	2.8	0.4	4.5	3	7.9				3.5	2.6	6.1	3.25	4.5	7.75	3.5	3.5	7				3	4.1	7.1	
325	000325	Nguyễn Ngọc Diễm Thy	15/06/2009	10A7	3.2	4.75	7.95	5	0.6	4.05	3	7.65				4.75	4.5	9.25	3.5	6	9.5	3.75	4	7.75				4.5	4.25	8.75	
326	000326	ĐẶNG HUỲNH BẢO TRẦN	29/08/2009	10A7	3.4	4.5	7.9	4.3	0.4	4.2	2.9	7.5				3.75	3.75	7.5	4	5	9	5	4.5	9.5				4.75	3.35	8.1	
327	000327	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	25/04/2009	10A7	2.6	4.25	6.85	4.8	0	4.05	2.5	6.55				4.25	5	9.25	4	5.75	9.75	4.25	3.75	8				4.75	3.5	8.25	
328	000328	Nguyễn Thị Phương Trinh	01/12/2009	10A7	3.2	4	7.2	4	0.4	3.9	3	7.3				3.25	3.25	6.5	4	4.9	8.9	4	4	8				4.25	4.25	8.5	
329	000329	Cao Thị Khánh Tuyết	18/01/2009	10A7	3.8	3.2	7	5	0.4	3.6	3	7				5	4.25	9.25	4	4.9	8.9	4.25	4	8.25				4.75	4.1	8.85	
330	000330	Đặng Tường Vy	26/11/2009	10A7	3	3.25	6.25	5	0.2	3.6	3	6.8				3.25	3.5	6.75	3.5	4.5	8	3.75	3.5	7.25				4.5	1.6	6.1	
331	000331	Nguyễn Hà Vy	26/05/2009	10A7	3	2	5	5	0.5	4.2	2.5	7.2				4.5	4	8.5	4	6	10	5	3.5	8.5				4.5	4.25	8.75	
332	000332	Trần Thị Thanh Vy	12/04/2008	10A7	3	4.5	7.5	4.5	0.7	3.15	2.9	6.75				3.25	4	7.25	3.75	4.9	8.65	3	2.75	5.75				3.5	3.25	6.75	
333	000333	Đỗ Triều An	20/05/2009	10A8	3.4	4	7.4	7.5	0.7	3.3	1	5				4	4.5	8.5	4	5.9	9.9	5	4.5	9.5	4	4	8				
334	000335	Từ Kỳ Anh	18/08/2009	10A8	2.2	2.75	4.95	5	0.4	2.55	0.3	3.25				4.25	3.75	8	4	4.55	8.55	4	3.25	7.25	2.25	3.25	5.5				
335	000336	Trần Gia Bảo	08/04/2009	10A8	2.8	3.75	6.55	5	0.6	3.9	1.2	5.7				3.75	3.6	7.35	3.5	5.75	9.25	3.5	4	7.5	2.5	4	6.5				
336	000337	Nguyễn Minh Đạt	24/06/2009	10A8	3.6	3.5	7.1	5	0.5	2.85	1.4	4.75				4.5	3.75	8.25	4	4.5	8.5	4	2.5	6.5	3.75	4.25	8				
337	000338	Lâm Thị Thu Hiền	13/09/2009	10A8	3.4	4	7.4	5	0.7	4.35	2.6	7.65				4.5	3.75	8.25	4	5.5	9.5	4.5	4	8.5	3.75	3.75	7.5				
338	000339	Nguyễn Huy Hoàng	24/02/2008	10A8	2.2	2	4.2	5	0.9	4.95	2.8	8.65				3.5	4	7.5	3.75	5.05	8.8	4.25	2.75	7	3	2.6	5.6				
339	000341	Lê Đăng Khoa	27/11/2009	10A8	2.8	2.25	5.05	4.8	0.4	3.9	1.6	5.9				4.25	2.75	7	4	4.9	8.9	4.5	3.75	8.25	3	2.35	5.35				
340	000343	Trần Nhật Minh	13/07/2009	10A8	3.4	3.5	6.9	4.5	0.3	2.85	0.7	3.85				4.25	3.35	7.6	3.75	4.9	8.65	4.5	4.25	8.75	4	4.25	8.25				
341	000344	Nguyễn Nhật Nam	04/10/2009	10A8	3.8	4.75	8.55	5.8	1	3.6	1.4	6				4	4	8	4	5.75	9.75	4.75	4.25	9	4	4	8				
342	000346	Ngô Yến Nhi	29/01/2008	10A8	3.6	4.25	7.85	3.8	0.4	2.4	0.1	2.9				2.25	5	7.25	4	4.9	8.9	3.25	3.75	7	4	2.75	6.75				
343	000349	Phan Lê Tố Quyên	15/11/2009	10A8	3.2	2.85	6.05	5.8	0.4	4.05	1.4	5.85				2.25	3.75	6	3.75	5.05	8.8	4.25	3	7.25	4	3.25	7.25				
344	000351	Huỳnh Dương Hưng Thịnh	14/09/2009	10A8	3.4	3.5	6.9	5	0.6	4.2	1.7	6.5				4.75	3.5	8.25	4	5.75	9.75	5	4.25	9.25	3.75	4.25	8				
345	000352	Châu Thị Mỹ Tiên	31/10/2009	10A8	3.2	3.25	6.45	4	0.7	2.4	0.7	3.8				4.5	4.5	9	4	5.65	9.65	4.75	4	8.75	3.75	4.5	8.25				
346	000354	Đặng Tuấn Tú	12/10/2009	10A8	3.4	2	5.4	4	0.3	4.5	1.6	6.4				4	3.25	7.25	4	4.75	8.75	3.75	0.5	4.25	3.25	2.75	6				
347	000355	Lê Nhật Tường	06/06/2009	10A8	2.6	1.75	4.35	4	0.6	1.5	0	2.1				3.75	2.6	6.35	3.75	5	8.75	4.75	4	8.75	3.75	3	6.75				
348	000357	Châu Nguyễn Phương Anh	10/11/2009	10A8	3	3.25	6.25	4.5	0.8	2.4	2.1	5.3				3.75	2.85	6.6	4	5.15	9.15	4.5	3	7.5	2	1.5	3.5				
349	000358	Nguyễn Hoàng Minh Anh	23/01/2009	10A8	2.2	1.75	3.95	5.5	0.6	3.3	2	5.9				3.75	3.75	7.5	3.75	5.5	9.25	2.5	4.5	7	3.75	4	7.75				
350	000359	Trần Thị Ngọc Ánh	14/04/2009	10A8	2.6	1.35	3.95	6.5	0.7	3.6	1.9	6.2				4.5	4.25	8.75	3.75	5.25	9	3.5	4.75	8.25	4	2.85	6.85				
351	000363	Mai Việt Hùng	22/11/2009	10A8	3.2	3.25	6.45	5	0.5	3.15	1.1	4.75				4.25	4.25	8.5	4	5.75	9.75	5	4.75	9.75	3.75	3.25	7				
352	000368	Ngô Thanh Ngân	19/01/2009	10A8	3.4	4.5	7.9	5.3	0.7	4.2	1	5.9				3.75	4	7.75	3.5	4.75	8.25	4.25	4	8.25	3.75	3	6.75				
353	000370	Nguyễn Phước Thảo Nhi	07/10/2009	10A8	2.8	2.6	5.4	5.5	0.4	2.1	1.5	4				4	3.75	7.75	4	5.4	9.4	3.75	3	6.75	3	4	7				
354	000372	Bùi Thị Hồng Phượng	04/07/2009	10A8	2.8	3	5.8	4.8	0.6	3.45	2.1	6.15				2.75	3.5	6.25	4	4.9	8.9	2.25	4	6.25	3.25	2.5	5.75				
355	000374	Lê Văn Thắng	03/07/2009	10A8	3.8	5	8.8	6	0.4	3.6	1.7	5.7				4.5	4	8.5	4	6	10	4.75	2.75	7.5	4	4.5	8.5				
356	000379	Hoàng Minh Uyên	15/12/2009	10A8	3.4	4	7.4	6	0.4	4.2	1.4	6				4	3.5	7.5	4	5.5	9.5	5	4.75	9.75	4	4.75	8.75				
357	000380	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	17/11/2009	10A8	2.8	1.6	4.4	4.8	0.5	3.15	2.2	5.85				4	2.1	6.1	3.5	4.75	8.25	3.25	2.5	5.75	3.25	2.75	6				
358	000382	Trần Thị Kim Anh	29/05/2009	10A8	3.4	4.25	7.65	5.8	0.8	3.15	2.1	6.05				3.25	3.75	7	3.25	5.15	8.4	3.75	4.5	8.25	2	3.75	5.75				
359	000383	Lương Khả Ân	03/09/2009	10A8	2.4	3.25	5.65	5.3	0.6	3.15	1.5	5.25				3	3.75	6.75	3.75	5.65	9.4	4	4	8	2.5	3.5	6				
360	000384	Phan Nguyễn Duy	09/11/2009	10A8	3.2	3	6.2	6	0.6	3.9	1.9	6.4				4.25	3.75	8	4	5.25	9.25	4.75	4.5	9.25	3.75	4	7.75				
361	000385	Nguyễn Ngọc Hương Giang	16/10/2009	10A8	3.6	3.5	7.1	6	0.4	3.3	0.6	4.3				4.25	4.5	8.75	4	6	10	4.25	4.								

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
367	000397	Đào Như Quỳnh	17/10/2009	10A8	3	4.25	7.25	5.3	0.9	3.15	1	5.05				4	4	8	3.5	5.25	8.75	2.75	2.25	5	3	2.25	5.25				
368	000401	Mai Vũ Trường	16/02/2009	10A8	1.8	3	4.8	4.3	0.9	2.85	0.8	4.55				3.75	3.75	7.5	3.75	5.25	9	4	3.5	7.5	3.75	2.6	6.35				
369	000402	Lâm Minh Tuấn	18/10/2009	10A8	2.8	4.25	7.05	4.3	0.6	2.25	0.7	3.55				2.75	3.1	5.85	2.5	4.15	6.65	2.75	3.5	6.25	1.5	1.5	3				
370	000410	Nguyễn Xuân Hiếu	30/05/2009	10A8	2.6	1.75	4.35	5.5	0.8	3.45	1.2	5.45				3.5	3.25	6.75	4	5.65	9.65	2.75	2.75	5.5	3.5	2.85	6.35				
371	000412	Lý Minh Khang	24/11/2009	10A8	3	4.25	7.25	5.5	0.7	3.3	1.3	5.3				4	4	8	4	4.8	8.8	4.5	3.25	7.75	4	3.25	7.25				
372	000413	Đoàn Gia Lâm	26/04/2009	10A8	3.2	4.5	7.7	4.8	0	3.3	0.8	4.1				4.25	3	7.25	4	5.65	9.65	5	3	8	4	4.25	8.25				
373	000414	Nguyễn Tiến Minh	13/09/2009	10A8	3.6	4.75	8.35	6.3	0.4	4.2	1.4	6				3.25	4.5	7.75	4	5.75	9.75	4	2.75	6.75	4	3	7				
374	000418	Ngô Thị Thanh Như	10/04/2009	10A8	3.8	1.6	5.4	6.5	0.3	3.75	1	5.05				3.5	3.75	7.25	4	5.75	9.75	4.25	4.5	8.75	3.5	3.5	7				
375	000422	Ngô Xuân Thiện	19/08/2009	10A8	3.4	4.25	7.65	7	0.5	3.9	1.7	6.1				4.25	4.5	8.75	4	5.9	9.9	5	4.75	9.75	4	4.25	8.25				
376	000423	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	22/05/2009	10A8	3.4	3.5	6.9	6.3	0.9	4.8	3	8.7				4.75	5	9.75	4	6	10	4.75	4.25	9	4	4.75	8.75				
377	000424	Huỳnh Thị Ngọc Trân	03/03/2009	10A8	2.4	1.75	4.15	5	0.4	2.7	0	3.1				3.75	3.75	7.5	3.25	5.65	8.9	5	3	8	2	1.25	3.25				
378	000425	NGUYỄN THANH TUẤN	17/12/2009	10A8	2.6	2.75	5.35	5.5	0.4	4.2	2.1	6.7				4.25	3.5	7.75	4	5.5	9.5	4.25	3.75	8	3.75	3.25	7				
379	000427	Lê Phương Vy	28/09/2009	10A8	3.6	3	6.6	4	0.6	2.85	0.3	3.75				4.25	2.85	7.1	4	5.25	9.25	4.5	4	8.5	3.5	3	6.5				
380	000428	Nguyễn Bảo Yến	04/12/2009	10A8	2.6	2.5	5.1	5.3	0.5	3.6	0.9	5				3.25	3.35	6.6	4	4.75	8.75	2.5	4	6.5	3.5	3.35	6.85				
381	000334	Nguyễn Bảo Quỳnh Anh	21/06/2009	10A9	3.2	2.25	5.45	7.3	0.6	4.35	2.2	7.15				4.25	3.75	8	4	5	9	4	3.5	7.5	3.25	3	6.25				
382	000340	Vương Đỗ Khánh Hưng	20/03/2009	10A9	3.2	2.5	5.7	6.8	0.9	4.8	2.2	7.9				2.75	3.1	5.85	3.25	5	8.25	2.75	3	5.75	3.5	2.5	6				
383	000342	Phan Chí Luân	06/10/2009	10A9	2.8	2.25	5.05	5	0.1	1.95	1.4	3.45				3	3.75	6.75	4	5	9	3.25	1.25	4.5	2.5	2	4.5				
384	000345	Phạm Đông Nghi	10/07/2009	10A9	3	2.25	5.25	5.8	0.6	4.2	1.8	6.6				3.25	3.25	6.5	3.5	3.8	7.3	2.5	3.5	6	3.5	2.75	6.25				
385	000347	Đinh Văn Phát	10/04/2009	10A9	3.6	3.75	7.35	3.8	0.5	3.6	1.8	5.9				4.5	3.5	8	4	5.75	9.75	4.5	4.5	9	4	3	7				
386	000348	Nguyễn Phúc Mai Phương	05/04/2008	10A9	3.4	3.25	6.65	5.8	0.7	3.9	2.2	6.8				4	3.75	7.75	4	4.7	8.7	4.75	3.5	8.25	4	3	7				
387	000350	Trương Tấn Tài	15/08/2009	10A9	2.8	2.5	5.3	5.8	0.5	3.15	2.2	5.85				3.25	3.5	6.75	3	4.65	7.65	4	3.75	7.75	3.5	3.35	6.85				
388	000353	Hoàng Thanh Trúc	21/04/2009	10A9	3.4	4.5	7.9	6	0.6	4.65	2.9	8.15				4.5	4.25	8.75	4	6	10	4.75	5	9.75	4	3.5	7.5				
389	000356	Nguyễn Kiều Vy	18/08/2009	10A9	3.6	3.75	7.35	7	0.7	4.2	3	7.9				4	3.6	7.6	4	5.25	9.25	4.75	4.75	9.5	4	2.75	6.75				
390	000360	Nguyễn Bình	21/05/2008	10A9	3.4	2.5	5.9	5	0.5	2.7	1.9	5.1				3.5	3.5	7	4	4.75	8.75	4.5	3.75	8.25	3.25	2.75	6				
391	000361	Nguyễn Minh Đức	13/03/2009	10A9	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng				Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng				Vắng
392	000362	Hoàng Minh Hiếu	21/11/2009	10A9	3.4	3	6.4	5.3	0.6	3.6	2.9	7.1				4	3	7	4	4	8	2.75	3.25	6	1.5	3	4.5				
393	000364	Trần Thị Quỳnh Hương	03/09/2009	10A9	3	4.25	7.25	6.8	0.8	4.2	3	8				4.5	4.25	8.75	4	5.65	9.65	4.5	4	8.5	3.75	4.5	8.25				
394	000365	Bùi Ngọc Đăng Khôi	10/05/2009	10A9	4	5	9	6	0.7	4.35	2.9	7.95				2.25	3.5	5.75	3.75	5.25	9	3.25	3	6.25	2.5	1.6	4.1				
395	000366	Nguyễn Minh Mẫn	27/08/2009	10A9	3.2	3	6.2	6	0.5	3.6	2.8	6.9				4.25	4.25	8.5	3.75	5.25	9	4	3.5	7.5	2.5	4.75	7.25				
396	000367	Dương Hà My	09/07/2009	10A9	3.8	3.75	7.55	5.8	0.5	4.5	2.5	7.5				3.25	3.5	6.75	4	5.75	9.75	3.75	2.25	6	3.5	1.75	5.25				
397	000369	Tưởng Huỳnh Như Ngọc	17/04/2009	10A9	3.6	3.25	6.85	8.3	0.6	3.45	2.6	6.65				4	3.75	7.75	4	5.5	9.5	4.25	4.75	9	3.25	2.75	6				
398	000371	Mai Hoàng Phúc	12/08/2009	10A9	3.2	2.75	5.95	5	0.4	4.35	2.2	6.95				3.25	3.25	6.5	4	4	8	4.5	4.75	9.25	4	4.5	8.5				
399	000373	Chu Nguyễn Như Quỳnh	27/04/2009	10A9	3	2.5	5.5	7.3	0.8	3.9	2.2	6.9				2.5	4	6.5	3.5	5.75	9.25	4.25	3.75	8	4	4.25	8.25				
400	000375	Trần Vũ Minh Thư	15/09/2009	10A9	3.8	3	6.8	6.3	0.6	4.2	2.6	7.4				3	3.75	6.75	4	4.9	8.9	2.5	3.25	5.75	2	3	5				
401	000376	Võ Thị Thùy Trang	06/10/2009	10A9	3	2.75	5.75	7.3	0.5	4.35	3	7.85				2.75	4.25	7	4	4.75	8.75	3.75	3.25	7	3.5	2	5.5				
402	000377	Phạm Thị Ngọc Trúc	12/12/2009	10A9	3.6	3.75	7.35	6.5	0.7	4.2	2	6.9				4.25	3.75	8	4	5.15	9.15	4.5	3.25	7.75	2.75	3.25	6				
403	000378	Phan Thị Thanh Tú	12/08/2008	10A9	2.8	1.25	4.05	6.3	0.4	4.5	3	7.9				1.5	1.25	2.75	3	4.9	7.9	4	4	8	1.75	2.75	4.5				
404	000381	Lê Hoàng Lan Anh	25/10/2009	10A9	3.4	5	8.4	6.3	0.5	4.65	3	8.15				4.75	4.5	9.25	3.75	5.75	9.5	4.5	4.75	9.25	3.75	4.1	7.85				
405	000386	Kiều Công Hiếu	14/07/2009	10A9	2.8	4	6.8	5.8	0.5	3.75	2.6	6.85				2.75	2.25	5	4	5.25	9.25	4.25	3.5	7.75	2.75	4	6.75				
406	000389	Nguyễn Trần Thiên Kim	29/05/2009	10A9	3.2	3	6.2	5.8	0.6	3.75	2.4	6.75				3.5	2.75	6.25	4	5.5	9.5	3.75	4	7.75	4	3.75	7.75				
407	000390	Đỗ Nhật Minh	26/11/2009	10A9	3.2	1.75	4.95	6	0.9	3.45	2.4	6.75				3.25	2.75	6	4	5.25	9.25	3.75	3.5	7.25	2.25	3.5	5.75				
408	000393	Kiều Nguyễn Thanh Nhàn	25/05/2009	10A9	3	2.75	5.75	4.8	0.8	4.35	1.7	6.85				3	3.35	6.35	3.75	4.9	8.65	4.25	2	6.25	2	1.35	3.35				
409	000394	Nguyễn Yến Nhi	19/08/2009	10A9	3.2	2.6	5.8	5	0.6	4.05	2.6	7.25				2	3.75	5.75	3.75	4	7.75	2.75	1.25	4	2.5	0.35	2.85				
410	000396	Bùi Nguyễn Việt Quốc	11/08/2009	10A9	3.6																										

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
413	000400	Phạm Bích Trâm	16/12/2009	10A9	3.2	3.75	6.95	4.3	0.6	3.15	2.1	5.85			1.75	3.35	5.1	2.25	4.75	7	4.25	3.75	8	2.25	1	3.25					
414	000403	Bùi Đức Việt	10/11/2009	10A9	3.2	3.25	6.45	6	0.5	3.45	1.7	5.65			2.75	2.75	5.5	2	4	6	3	1.5	4.5	1.75	1.8	3.55					
415	000404	Nguyễn Ngọc Tường Vy	21/09/2009	10A9	3.4	5	8.4	6	0.6	4.2	2.5	7.3			4.5	4	8.5	4	4.5	8.5	4.5	3.25	7.75	3.5	2.85	6.35					
416	000405	Lê Nguyễn Hoàng Anh	17/01/2009	10A9	3.4	3.25	6.65	7.3	0.5	4.5	2.6	7.6			4.5	3.5	8	4	5.75	9.75	4.75	3.25	8	4	2	6					
417	000406	Trương Nguyễn Hà Anh	05/09/2009	10A9	3.4	4.25	7.65	7.8	0.6	4.8	2.6	8			3.75	3.35	7.1	4	5.5	9.5	5	4	9	3.5	4.25	7.75					
418	000407	Giang Gia Bảo	17/02/2009	10A9	2.8	3.5	6.3	6.8	0.6	3.9	3	7.5			4	3.6	7.6	4	5.15	9.15	5	3.5	8.5	3	1.85	4.85					
419	000408	Nguyễn Hà Trang Đài	29/09/2009	10A9	2.4	1.75	4.15	5.5	0.6	3.6	3	7.2			2	2.25	4.25	2.5	4.5	7	3.5	3.25	6.75	3.5	2.75	6.25					
420	000409	Nguyễn Sơn Hải	06/12/2009	10A9	3.2	4	7.2	6.3	0.6	4.2	2.2	7			3.75	3.5	7.25	2.5	4.1	6.6	2.75	2.75	5.5	2.75	2.5	5.25					
421	000411	Phạm Duy Hưng	24/07/2009	10A9	2.2	2	4.2	4.3	0.6	3.45	2.2	6.25			3.75	3.5	7.25	2	4.55	6.55	3.75	2	5.75	2	1.5	3.5					
422	000415	Mai Hoàng Nam	22/04/2009	10A9	3.2	4.5	7.7	5.3	0.7	4.65	3	8.35			4.75	3.75	8.5	4	5.25	9.25	4.75	4.75	9.5	3.75	3.25	7					
423	000416	Phan Thị Thanh Ngân	08/06/2009	10A9	3.6	2.75	6.35	6.8	0.3	3.75	3	7.05			3.75	3.5	7.25	3.75	4.75	8.5	5	4.5	9.5	3.75	2	5.75					
424	000417	Ngô Lưu Tuyết Nhi	20/03/2009	10A9	3.6	4	7.6	7.3	0.3	4.05	2.6	6.95			4.5	3.75	8.25	4	4.75	8.75	4.75	4.25	9	4	5	9					
425	000419	Trương Minh Phúc	06/06/2009	10A9	3	4.25	7.25	7	0.7	5.25	3	8.95			3.25	1.5	4.75	3.5	5.3	8.8	4.5	1	5.5	1.25	2	3.25					
426	000420	Trần Ngọc Quốc	08/01/2009	10A9	3.4	3.25	6.65	6.3	0.7	3.6	3	7.3			3.75	3.75	7.5	3.5	4.35	7.85	3	1.75	4.75	1.75	1.5	3.25					
427	000421	Trần Ngọc Mỹ Quỳnh	16/01/2009	10A9	3.6	5	8.6	7.3	0.7	4.2	3	7.9			4.25	4	8.25	4	5.25	9.25	5	4.5	9.5	4	2.95	6.95					
428	000426	Phạm Minh Tuấn	29/10/2009	10A9	3.2	2.5	5.7	5.8	0.5	3.6	1.7	5.8		3.75	3.1	6.85	4	5.25	9.25	4.5	4	8.5	3.5	3.5	7						
429	000429	Trần Bình An	25/06/2009	10A10	3.2	4	7.2	7.3	0.8	3.45	1.4	5.65	3.75	1	4.75			4.75	2.75	7.5	2.75	4	6.75	4.25	4.25	8.5					
430	000435	Đặng Ngọc Bảo Hòa	04/05/2009	10A10	3.2	2.25	5.45	6.3	0.5	4.5	2	7	4.5	2	6.5			4.25	4.5	8.75	3.75	3	6.75	4.5	3	7.5					
431	000436	Trần Duy Hưng	02/01/2009	10A10	2.8	2.75	5.55	5.3	0.2	3.6	2.8	6.6	3.75	1.5	5.25			4.75	4.5	9.25	3.75	4.75	8.5	4.5	2.25	6.75					
432	000439	Hoàng Linh	27/02/2009	10A10	3.6	3.25	6.85	6.5	0.6	2.85	2.5	5.95	3.5	2	5.5			4	4	8	3	4.25	7.25	3.75	3.75	7.5					
433	000440	Đặng Công Minh	11/06/2009	10A10	1.4	1.85	3.25	6.3	0.4	3.6	2.8	6.8	2.25	1.5	3.75			3.25	3	6.25	1.75	2.75	4.5	4	2.5	6.5					
434	000441	Mai Phúc Nguyên	14/04/2009	10A10	3.4	4.75	8.15	5.3	0.2	3.9	2.5	6.6	4.5	2.5	7			3	2	5	3	3.1	6.1	3.75	3.85	7.6					
435	000442	Lê Hồng Yến Nhi	03/09/2009	10A10	3.8	3.5	7.3	6.5	0.7	1.95	1.1	3.75	4.5	3.5	8			4	3.75	7.75	3.25	4.25	7.5	4.25	4	8.25					
436	000444	Phùng Nguyễn Loan Phụng	20/07/2009	10A10	2	2	4	5.5	0.3	2.55	1.4	4.25	3.25	1.5	4.75			2.25	1.5	3.75	3	4.25	7.25	3.75	1.75	5.5					
437	000446	Phạm Đăng Thắng	02/10/2009	10A10	2.6	2.75	5.35	4.5	0.5	3	2.9	6.4	4.75	1.25	6			4.5	2	6.5	4	2.6	6.6	4.25	3.25	7.5					
438	000448	Nguyễn Quỳnh Trâm	06/08/2009	10A10	2.6	3	5.6	6.8	0.6	3.3	2.5	6.4	2.5	1.25	3.75			4.25	1.25	5.5	2.5	2.45	4.95	3	3.5	6.5					
439	000449	Nguyễn Võ Phương Trinh	09/12/2009	10A10	3.2	3.1	6.3	6.8	0.7	3.3	2.5	6.5	4.25	2.75	7			4.75	2.75	7.5	2.75	4	6.75	4.25	3.25	7.5					
440	000451	Nguyễn Chí Vĩnh	19/10/2009	10A10	2.2	2.75	4.95	5.3	0.3	2.55	2.1	4.95	2.75	3	5.75			4.5	4.25	8.75	2.5	2.1	4.6	4	3.5	7.5					
441	000452	Trần Khánh Vy	21/12/2009	10A10	3.6	4	7.6	8	0.2	4.2	3	7.4	4	2.25	6.25			3.25	3.5	6.75	3.25	4.5	7.75	4.5	3.85	8.35					
442	000453	Chu Hoàng Anh	11/01/2009	10A10	1.6	3.25	4.85	5	0.4	3.75	2.4	6.55	4.75	1.25	6			4.75	3.5	8.25	3	4	7	4.75	3.75	8.5					
443	000455	Phan Thị Thúy Bình	13/11/2009	10A10	2.6	2.35	4.95	5	0.3	2.4	1.4	4.1	4	1.5	5.5			3.75	2.25	6	2.75	3.5	6.25	4	3.25	7.25					
444	000460	Phạm Lê Quỳnh Hương	08/09/2009	10A10	2.8	3	5.8	6.5	0.6	3.15	2.3	6.05	3.5	1	4.5			3.5	2	5.5	3.25	2.75	6	4.5	4	8.5					
445	000461	Phạm Minh Khôi	30/01/2009	10A10	2.8	1.6	4.4	6	0.6	2.55	1.8	4.95	4.25	1.75	6			4.5	2.25	6.75	2.25	3.25	5.5	3.5	4	7.5					
446	000468	Lê Ngọc Quý	03/11/2009	10A10	3	0.85	3.85	5	0.3	2.7	2.5	5.5	3	1.75	4.75			2.75	3.75	6.5	1.25	3.85	5.1	3.75	2.75	6.5					
447	000469	Phạm Cao Thanh Thanh	02/03/2009	10A10	3.8	5.25	9.05	7.5	0.2	4.2	2.9	7.3	5	4.5	9.5			5	4.75	9.75	4	4.5	8.5	4.75	4.75	9.5					
448	000470	Lê Vũ Bảo Thịnh	13/11/2009	10A10	3	2.75	5.75	6	0.6	2.85	2.9	6.35	4	2.5	6.5			3.75	4	7.75	2.5	3.5	6	4.5	2.75	7.25					
449	000471	Võ Nguyễn Thủy Tiên	22/04/2009	10A10	3.4	3.25	6.65	7	0.1	3.75	3	6.85	4.25	3.25	7.5	5	4.5	9.5	3.5	4.75	8.25	4.75	3.25	8							
450	000472	Nguyễn Thái Ngọc Trâm	29/10/2009	10A10	2.2	3.85	6.05	6	0.5	2.55	1.6	4.65	4.25	3.25	7.5	4.5	4.5	9	4	4	8	4.5	4	8.5							
451	000473	Đoàn Nguyễn Thành Trung	10/05/2009	10A10	2	3.25	5.25	7.5	0.5	3.6	2	6.1	2.25	2	4.25	3.5	3.25	6.75	3	2.85	5.85	4.5	4.25	8.75							
452	000474	Vũ Thùy Vân	22/09/2009	10A10	2.6	3.25	5.85	6.8	0.8	4.95	2.7	8.45	4.25	2.75	7	4.75	3	7.75	3.5	3	6.5	4.25	4.75	9							
453	000475	Đặng Thị Tuyết Vy	18/02/2009	10A10	3.4	3.75	7.15	6.3	0.7	3.3	2.9	6.9	3.5	2	5.5	4	3.75	7.75	2.25	3.75	6	3.5	3.25	6.75							
454	000476	Phạm Nguyễn Ánh Xuân	09/02/2009	10A10	2.8	3	5.8	7.3	0.6	4.5	2.8	7.9	3	2.25	5.25	4.25	3	7.25	3	3.75	6.75	4.75	3.25	8							
455	000477	Đặng Hồ Tuấn Anh	07/02/2009	10A10	2	1.35	3.35	3.8	0.5	3.6	2.4	6.5	4.25	1.75	6	3.75	3	6.75	3.5	2.45	5.95	4.75	3.25	8							
456	000478	Nguyễn Việt Anh	02/10/2009	10A10	3.6	4.5	8.1	5	0.5	3.45	1.6	5.55	2.25	2.25	4.5	4	4	8	2.5	3.25	5.75	3.25	2.75	6							
457	000479	Huỳnh Thái Châu	02/04/2009	10A10	3.4	4.25	7.65	6	0.6	4.5	2.4	7.5	4.75	4	8.75	5	4.5	9.5	4	4.25	8.25	4.75	4.75	9.5							
458	000483	Hoàng Gia Huy	10/12/2009	10A10	3	4	7	5.5	0.6	4.2	2.9	7.7	4	2.5	6.5	4	4.75	8.75	2.5	4.25	6.75	3.5	4	7.5							

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú								
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC									
459	000484	NGUYỄN TẤN KHANG	15/01/2009	10A10	3.6	4.5	8.1	4.3	0.3	3.9	2.7	6.9	4	2.75	6.75																								
460	000486	Nguyễn Võ Uyên Lê	21/01/2009	10A10	2.4	2	4.4	4	0.6	2.4	0.2	3.2	2	1.75	3.75															2	1.25	3.25	2.5	2	4.5	3.25	4.25	7.5	
461	000491	Đặng Nguyễn Thiên Phúc	30/06/2009	10A10	3	3.25	6.25	4.3	0.4	3.75	3	7.15	3.5	1	4.5															4.75	2.5	7.25	1.75	3.75	5.5	4.75	3.5	8.25	
462	000492	Nguyễn Văn Tâm	03/12/2009	10A10	3	4.5	7.5	5	0.2	3.45	2.5	6.15	4.25	3.25	7.5															4.5	5	9.5	3.5	5	8.5	5	4	9	
463	000494	Nguyễn Trần Phương Thy	05/09/2009	10A10	2	1.85	3.85	3.8	0.5	2.25	0.5	3.25	3.75	1	4.75															2.25	1.5	3.75	3	3.75	6.75	2.75	3.6	6.35	
464	000496	Nguyễn Hữu Trí	24/12/2008	10A10	3.6	3.75	7.35	5	0.4	3.15	1.5	5.05	3.75	2	5.75															3.5	2.75	6.25	3	4.25	7.25	4.25	3.2	7.45	
465	000497	Nguyễn Hoàng Trung	17/07/2009	10A10	2.4	3.25	5.65	4	0.7	4.65	2.2	7.55	3.75	1	4.75															4	3.75	7.75	2.75	3.5	6.25	3.75	2.25	6	
466	000501	Nguyễn Huỳnh Hồng Ánh	23/05/2009	10A10	2.4	3.25	5.65	6.3	0.3	2.55	1.1	3.95	4	1.5	5.5															4	2.25	6.25	3.5	3.75	7.25	4	2.75	6.75	
467	000502	Lâm Vũ Quế Chi	22/07/2009	10A10	2.6	2.5	5.1	6.3	0.2	2.25	1.5	3.95	4	1.75	5.75															4.25	3	7.25	3.5	4	7.5	4	3.6	7.6	
468	000504	Đỗ Nguyễn Gia Hân	28/06/2009	10A10	3.4	4.75	8.15	6.8	0.3	2.85	2.8	5.95	3.5	1	4.5															4.5	3.75	8.25	3.5	4	7.5	4.75	3.5	8.25	
469	000505	Đỗ Thị Diệu Hoa	11/04/2009	10A10	2.2	1.5	3.7	6	0.5	2.4	2.2	5.1	3.25	1	4.25															3.5	3.25	6.75	3.25	2.75	6	4	2.85	6.85	
470	000506	Nguyễn Thị Thu Huyền	19/01/2009	10A10	2.8	4.25	7.05	6.5	0.3	3.15	2.7	6.15	4.25	2.25	6.5															3.5	4.5	8	3	3.25	6.25	3.75	4.25	8	
471	000507	Võ Nguyễn Phúc Khang	17/06/2009	10A10	2.6	3.5	6.1	6.3	0.3	3.45	2.9	6.65	4	1.25	5.25															3.25	3.75	7	2.5	3.75	6.25	3.75	3.1	6.85	
472	000509	Bùi Trần Gia Linh	15/02/2009	10A10	2.6	4.25	6.85	5.3	0.5	2.85	2.3	5.65	4.5	2.5	7															4.25	4.75	9	4	3.25	7.25	4.75	3.85	8.6	
473	000516	Nguyễn Thanh Thảo	28/12/2009	10A10	2.6	3	5.6	6.8	0.4	2.7	2.1	5.2	4.5	2.5	7															3.75	3.5	7.25	2.75	3.25	6	3.75	3.75	7.5	
474	000517	Trương Yến Thy	28/03/2009	10A10	3	3.85	6.85	5	0.5	4.65	2.9	8.05	3.5	2	5.5															3	4	7	3	4.25	7.25	4	3.5	7.5	
475	000518	Trần Thị Thùy Trang	07/05/2009	10A10	3.4	3.75	7.15	6	0.5	3.15	0.9	4.55	1.5	1.5	3															2.75	1.5	4.25	3	3	6	4	3	7	
476	000430	Nguyễn Hoàng Minh Anh	25/06/2009	10A11	3.4	2	5.4	5	0.6	4.05	3	7.65	4	3	7															3	3.75	6.75	3.25	3.25	6.5	4.25	3.25	7.5	
477	000431	Nguyễn Gia Bân	18/02/2008	10A11	2.8	3.5	6.3	7.3	0.6	4.2	2.8	7.6	3.5	1	4.5															5	4.75	9.75	4	3.75	7.75	4.25	4	8.25	
478	000432	Nguyễn Thành Danh	22/08/2009	10A11	3.6	4.5	8.1	7.3	0.4	4.2	3	7.6	4.75	3.25	8															4.5	3.5	8	4	5	9	4.5	3.5	8	
479	000433	Đồng Nguyễn Hoàng Đạt	01/12/2009	10A11	3.6	4.5	8.1	6.8	0.4	4.5	2.6	7.5	4	1.75	5.75															4.75	4	8.75	3.25	4.5	7.75	4.5	3.5	8	
480	000434	Nguyễn Ngọc Hân	05/07/2009	10A11	2.2	3.75	5.95	6.3	0.6	3.15	2	5.75	2.5	1.5	4															3	3.25	6.25	1.5	3.75	5.25	3	3	6	
481	000437	Ngô An Khánh	29/04/2009	10A11	3	3.5	6.5	7	0.6	4.5	2.8	7.9	4	1.75	5.75															4	3.25	7.25	3.25	2.45	5.7	4.75	4.25	9	
482	000438	Trần Ngọc Bảo Kim	15/01/2009	10A11	3.6	3.75	7.35	8	0.6	3.9	2.9	7.4	4.25	3	7.25															4.5	4.5	9	3	3.25	6.25	4	2.1	6.1	
483	000443	Nguyễn Thành Phát	24/09/2009	10A11	3.4	4.5	7.9	6.3	0.4	3.75	3	7.15	5	4.5	9.5															5	4.5	9.5	4	4.25	8.25	4.5	4	8.5	
484	000445	Nguyễn Ngọc Lan Thanh	25/05/2009	10A11	2.8	2.75	5.55	6.8	0.5	4.5	3	8	4.25	0.5	4.75															4.75	4.75	9.5	4	4.75	8.75	4.75	4	8.75	
485	000447	Trịnh Hứa Thủy Tiên	26/06/2009	10A11	2.2	1	3.2	5	0.7	3	2.1	5.8	3.25	1.25	4.5															3	1.75	4.75	3.25	3	6.25	3.25	2.25	5.5	
486	000450	Lê Thị Khánh Vân	23/02/2009	10A11	2.8	3.85	6.65	5.5	0.4	3.9	2	6.3	1.75	3	4.75															3.5	2	5.5	2.75	4.75	7.5	4.5	3.5	8	
487	000454	Nguyễn Quỳnh Anh	01/08/2009	10A11	3.4	4	7.4	4.8	0.3	2.7	2.5	5.5	3.75	1.5	5.25															4.75	2.25	7	3.5	3.6	7.1	4	2.5	6.5	
488	000456	Nguyễn Tấn Dũng	09/08/2009	10A11	2.8	3.75	6.55	6	0.3	3.6	2	5.9	4.5	1.75	6.25															4.25	0.75	5	3.25	3.75	7	4.25	3.5	7.75	
489	000457	Nguyễn Xuân Hải Đăng	09/10/2009	10A11	3.2	3.5	6.7	6	0.5	3	1.5	5	3	1.75	4.75															3.5	3.5	7	3.25	4.25	7.5	3.75	3.25	7	
490	000458	Trịnh Nguyễn Gia Hân	05/12/2009	10A11	3.2	3.75	6.95	5.8	0.8	4.2	2.6	7.6	3.5	2.5	6															3	2.25	5.25	3	2.75	5.75	3.5	2	5.5	
491	000459	Đặng Minh Hoàng	24/11/2009	10A11	3	3.5	6.5	5.3	0.5	3.9	2.4	6.8	3.75	2.75	6.5															4	2.75	6.75	3	1.6	4.6	3.25	3	6.25	
492	000462	Trần Ngọc Hoàng Kim	15/01/2009	10A11	3.4	4.25	7.65	6.8	0.5	3.45	2.5	6.45	4	2.25	6.25															4.75	5	9.75	3.75	5	8.75	5	5	10	
493	000463	Võ Tấn Lộc	09/08/2009	10A11	3.4	2.5	5.9	5.5	0.3	3.9	2.8	7	3.75	3	6.75															4.5	4.5	9	3.5	4	7.5	4.5	4	8.5	
494	000464	Ngô Nguyễn Nguyệt Minh	18/04/2009	10A11	3.2	2.75	5.95	5	0.3	2.7	1.6	4.6	4	1	5															3.5	3.5	7	3.25	3	6.25	4	3.5	7.5	
495	000465	Trần Văn Nhất	30/09/2009	10A11	3.6	4.25	7.85	5.5	0.3	3.15	3	6.45	4.5	2.25	6.75															3.5	3.75	7.25	3.25	3.85	7.1	3.5	2.75	6.25	
496	000466	Lê Thị Ánh Nhi	13/12/2009	10A11	3.2	3.25	6.45	5.5	0.5	3.45	2.9	6.85	3.75	1.75	5.5															4.25	4.25	8.5	1.5	4.75	6.25	4.75	3.5	8.25	
497	000467	Nguyễn Thịnh Phát	24/09/2009	10A11	3.4	4	7.4	7.3	0.2	3.3	2.5	6	5	2.75	7.75															4.75	4.75	9.5	4	5	9	4.75	4.25	9	
498	000480	Phạm Nguyễn Chí Dũng	01/02/2009	10A11	3.2	2.1	5.3	4	0.7	3.9	2.8	7.4	3.25	1	4.25															3	3	6	3.5	3.5	7	4	4.25	8.25	
499	000481	Trần Thiên Hào	05/08/2009	10A11	3.6	5	8.6	4.3	0.5	4.2	2.5	7.2	4.25	2.5	6.75															4	3.75	7.75	3.5	3.75	7.2				

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú										
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC											
505	000490	Quách Yến Nhi	27/10/2009	10A11	2.6	2.85	5.45	5.3	0.5	3.45	2.9	6.85	4.5	2.75	7.25																										
506	000493	Nguyễn Dương Phương Thảo	30/01/2009	10A11	2.6	4	6.6	5.3	0.5	2.7	2.9	6.1	3	1	4																										
507	000495	Đặng Nguyễn Huyền Trang	10/11/2009	10A11	3	3	6	7.8	0.4	4.35	3	7.75	4.75	1.75	6.5																										
508	000498	Hoàng Thị Tường Vi	17/04/2009	10A11	2.8	3.35	6.15	5.5	0.5	3.9	2.9	7.3	4.25	3.25	7.5																										
509	000499	Ngụy Kiều Vy	06/09/2009	10A11	3.4	4.25	7.65	5.3	0.4	4.05	3	7.45	4.5	1.75	6.25																										
510	000500	Hoàng Đình Việt Anh	03/01/2009	10A11	3.6	4.5	8.1	5	0.9	3.9	3	7.8	2.5	1.75	4.25																										
511	000503	Huỳnh Kỳ Duyên	08/12/2009	10A11	2.2	4.75	6.95	6.8	0.4	3.75	2.6	6.75	3.25	2	5.25																										
512	000508	Bùi Anh Kiệt	11/12/2009	10A11	3	4.1	7.1	6.8	0.8	4.35	2.9	8.05	3	1.25	4.25																										
513	000510	Nguyễn Võ Tiến Luân	22/12/2009	10A11	3.6	4	7.6	5.3	0.4	4.2	2.6	7.2	4.5	3.25	7.75																										
514	000511	Nguyễn Phạm Khánh Ngọc	17/05/2009	10A11	3.4	5	8.4	7	0.6	3.75	3	7.35	4.25	3.5	7.75																										
515	000512	Nguyễn Hưng Long Nhật	23/06/2009	10A11	3.4	3.75	7.15	6.8	0.3	3.15	2.9	6.35	3	2.5	5.5																										
516	000513	Võ Trần Yến Như	19/09/2009	10A11	3.2	3.25	6.45	5	0.7	4.5	3	8.2	2.75	2.25	5																										
517	000514	Trần Minh Phúc	30/10/2007	10A11	3.4	2.5	5.9	5.8	0.4	2.7	2.1	5.2	4.25	1.75	6																										
518	000515	LÊ THỊ THANH THẢO	20/12/2009	10A11	3.2	3.25	6.45	6	0.4	3.45	2.8	6.65	3.25	1.25	4.5																										
519	000519	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	27/07/2009	10A11	3.4	4.5	7.9	6.3	0.8	3.75	2.8	7.35	3.25	2.5	5.75																										
520	000520	Lâm Thanh Tuyền	03/12/2009	10A11	3.2	4.5	7.7	8	0.8	4.2	2.9	7.9	4.75	3.75	8.5																										
521	000521	Nguyễn Thị Ngọc Vi	15/12/2009	10A11	3.4	4.25	7.65	8.5	0.6	4.5	2	7.1	4	3.25	7.25																										
522	000522	Phan Nguyễn Tường Vy	17/02/2009	10A11	3.2	4.25	7.45	7.5	0.7	3.6	2.9	7.2	4.5	2.75	7.25																										
523	000524	Nguyễn Thị Phương Anh	20/11/2009	10A12	3.2	4.25	7.45	7	0.6	3.45	3	7.05																		4	5.2	9.2	4.5	4.5	9	3.75	3.85	7.6	4.75	4	8.75
524	000531	Lê Thị Ngọc Kiều	21/09/2009	10A12	3.8	4	7.8	6.3	0.4	3.75	2.6	6.75																		4	6	10	4.5	4.75	9.25	3	4.5	7.5	4.25	4.25	8.5
525	000537	Nguyễn Hoàng Minh Phúc	26/09/2009	10A12	3.4	2.85	6.25	5	0.3	4.05	3	7.35				3.75	3.9	7.65	4.75	2.75	7.5	3.25	4.5	7.75	4	3.5	7.5														
526	000538	Đồng Ngọc Như Quỳnh	26/10/2009	10A12	2	1.75	3.75	5.5	0.5	3.15	2.5	6.15				2.75	3.8	6.55	3.25	3.75	7	1.5	2.5	4	3.5	4	7.5														
527	000540	Nguyễn Hoàng Minh Thi	17/03/2009	10A12	2.4	2.75	5.15	6.3	0.4	3	1.3	4.7				4	5.15	9.15	3.5	4	7.5	4	4	8	4.25	3.35	7.6														
528	000543	Trương Nguyễn Ngọc Trâm	02/11/2007	10A12	4.5	0	4.5	6	0.4	1.4	0	1.8				0.25	3.5	3.75	2	3.5	5.5	1	3	4	2.75	4	6.75														
529	000547	Phạm Hoàng Tuấn Anh	13/07/2009	10A12	3.6	2.85	6.45	6	0.5	4.35	2.6	7.45				4	5.4	9.4	3.25	1.75	5	3	4	7	3.25	3.1	6.35														
530	000553	Trần Nguyễn Quốc Khánh	09/09/2009	10A12	3.6	2.85	6.45	6	0.2	3	2.2	5.4				2.5	4.9	7.4	3.5	1.25	4.75	2.25	2.35	4.6	3.5	2	5.5														
531	000556	Lê Nguyễn Phương Nam	21/08/2009	10A12	2.8	2.1	4.9	5	0.4	3.6	1.3	5.3				4	4.55	8.55	3.25	1	4.25	2.25	2.85	5.1	3	3.75	6.75														
532	000559	Thạch Thị Quỳnh Như	19/10/2009	10A12	3.2	3	6.2	5	0.4	2.4	2.6	5.4				4	5.25	9.25	2.75	2.75	5.5	1.75	3.5	5.25	3.25	3.1	6.35														
533	000581	Mai Khánh Ngọc	06/09/2009	10A12	4	5	9	5.3	0.8	4.8	3	8.6				4	4.9	8.9	4.5	4.25	8.75	4	5	9	4.75	4	8.75														
534	000584	Bạch Thảo Nguyên Phương	04/11/2009	10A12	3.6	3.5	7.1	5	0.6	4.35	3	7.95				4	5.65	9.65	4.75	4.75	9.5	3.75	4	7.75	5	5	10														
535	000592	Huỳnh Ngọc Thanh Vy	15/06/2009	10A12	2.8	3.1	5.9	5.8	0.4	4.35	3	7.75				4	5.15	9.15	4.75	4.75	9.5	4	4.75	8.75	4.5	4	8.5														
536	000595	Phan Hà Anh	06/04/2009	10A12	2.8	3.25	6.05	6	0.6	2.55	2.2	5.35				4	4.15	8.15	3.5	4	7.5	3	2.5	5.5	3	3.1	6.1														
537	000600	Nguyễn Trọng Huy	23/12/2009	10A12	4	4.5	8.5	7	0.5	4.65	2.9	8.05				4	5.15	9.15	4.5	4.25	8.75	3.75	4.25	8	4.75	4.25	9														
538	000604	Nguyễn Hoài Nam	20/03/2008	10A12	2.8	1.75	4.55	5	0.3	2.4	1.3	4				4	5.15	9.15	3.5	4.75	8.25	2.75	3.25	6	4.25	4.25	8.5														
539	000615	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	31/01/2009	10A12	1.8	2	3.8	4.3	0.2	1.8	1.5	3.5				4	5.4	9.4	5	4	9	3.25	3.75	7	4.5	4	8.5														
540	000627	Nguyễn Thủy Phương Mai	05/08/2009	10A12	3.2	2.5	5.7	5.3	0.4	2.55	1.4	4.35				3.5	4.9	8.4	2.75	2.25	5	2	2.5	4.5	3.25	3	6.25														
541	000628	Dương Thị Phương Ngân	30/11/2009	10A12	3.2	1.85	5.05	5	0.4	3.15	1.6	5.15				3	5.25	8.25	4.5	4.75	9.25	2.75	3	5.75	4	4.25	8.25														
542	000638	Trần Khánh Trinh	20/06/2009	10A12	3.2	2.5	5.7	6.3	0.3	3.15	1.3	4.75				4	5.25	9.25	4.75	4.5	9.25	3.75	3.5	7.25	4.5	4.25	8.75														
543	000641	Ngô Kim Yến	06/08/2009	10A12	3.6	4.25	7.85	6.8	0.1	3.9	2.6	6.6				4	4.75	8.75	4	4	8	2.75	3.1	5.85	4.25	3.5	7.75														
544	000645	Nguyễn Thành Đạt	01/01/2009	10A12	3.8	3	6.8	6	0.2	3.3	1.4	4.9				4	5	9	3.75	4.5	8.25	4	4.25	8.25	4.25	3.35	7.6														
545	000646	Trần Thị Thu Hằng	03/03/2009	10A12	3.4	4.25	7.65	6	0.5	3.9	3	7.4				4	4.9	8.9	4.5	5	9.5	3.75	3.35	7.1	4.5	3.75	8.25														
546	000652	Nguyễn Kim Ngân	04/10/2009	10A12	3.8	3.75	7.55	7.5	0.7	3.6	3	7.3				4	5.65	9.65	5	5	10	4	4.5	8.5	5	4.75	9.75														
547	000657	Trần Quốc Thái	26/10/2009	10A12	4	4.5	8.5	5.5	0.3	3	2.8	6.1				4	6	10	4.75	4	8.75	3.75	5	8.75	4.75	4	8.75														
548	000660	Lê Hà Bảo Thy	16/05/2009	10A12	2.8	2.85	5.65	6.8	0.3	3.9	2.6	6.8				4	4.75	8.75	3	3.75	6.75	2.5	5	7.5	4.5	4.1	8.6														
549	000671	Sơn Nguyễn Hoàng Khang	11/06/2009	10A12	3.8	4.5	8.3	7	0.3	4.05	2.9	7.25				4	4.8	8.8	5	2	7	3.2																			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
551	000676	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	21/12/2008	10A12	3	2.85	5.85	4.8	0.7	3	2.2	5.9				4	5.5	9.5	3.5	1.25	4.75	2.75	1.1	3.85	3.75	4.25	8				
552	000680	Đặng Lê Thiện Thành	24/05/2009	10A12	3.4	3.75	7.15	5.5	0.6	3.75	1.5	5.85				4	5.15	9.15	4.5	4.5	9	4	4.25	8.25	4.5	3.1	7.6				
553	000682	Lê Vũ Anh Thư	15/07/2009	10A12	3.4	3.75	7.15	4.3	0.4	2.85	2.7	5.95				3.75	4.15	7.9	3.75	2.75	6.5	3	3.5	6.5	3	2.85	5.85				
554	000684	Nguyễn Bảo Trâm	07/03/2009	10A12	3.6	4.1	7.7	6	0.4	3.15	1.8	5.35				4	5.5	9.5	4.25	4.5	8.75	3.75	4.25	8	5	4.25	9.25				
555	000685	Lê Hoàng Anh Tú	19/06/2009	10A12	6.5	0	6.5	7	0.5	3.6	2.5	6.6				6	4	10	5	3.75	8.75	2.8	3.5	6.3	4.75	4.5	9.25				
556	000699	Nguyễn Thy Lam Ngọc	15/07/2009	10A12	3.6	2.35	5.95	3.5	0.5	3.75	2	6.25				4	3.35	7.35	3.5	2	5.5	2.25	1.6	3.85	3.5	2.5	6				
557	000701	Nguyễn Thanh Phong	09/10/2009	10A12	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.5	Vắng	Vắng	Vắng				Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
558	000702	Nguyễn Trần Minh Quân	02/05/2009	10A12	3.6	3.25	6.85	5.3	0.3	3.45	2.8	6.55				4	4.65	8.65	3	4.25	7.25	1.75	4	5.75	3.5	3.75	7.25				
559	000706	Trần Thị Minh Thư	08/05/2009	10A12	3.2	3.75	6.95	7	0.3	3.15	3	6.45				4	5	9	4.5	4	8.5	4	4.25	8.25	5	3.5	8.5				
560	000709	Nguyễn Kiều Tuyết	02/06/2009	10A12	3	3.75	6.75	4.8	0.3	2.7	2.2	5.2				4	5.25	9.25	4	2	6	3.25	3	6.25	4	2.75	6.75				
561	000711	Nguyễn Hải Yến	29/05/2009	10A12	4	4.5	8.5	6.3	0.5	3.45	3	6.95				3.75	5.4	9.15	4	4.5	8.5	3.75	3.6	7.35	4.75	4	8.75				
562	000716	Phạm Thị Bích Hằng	15/07/2009	10A12	4	3.5	7.5	5	0.6	3.6	2.6	6.8				4	5.15	9.15	4.5	4.25	8.75	3.75	4.5	8.25	4.5	3.5	8				
563	000718	Phạm Thị Yến Hương	11/05/2009	10A12	3.8	4.5	8.3	6	0.5	3.3	2.6	6.4				4	5.4	9.4	4.75	4.5	9.25	4	4.5	8.5	4.5	4.75	9.25				
564	000721	Nguyễn Duy Mạnh	22/02/2009	10A12	3.4	3.75	7.15	5.5	0.6	3.45	1.8	5.85				4	4.9	8.9	3.75	4.5	8.25	3	3.25	6.25	4.75	3.35	8.1				
565	000723	Nguyễn Trọng Nguyễn	25/03/2009	10A12	2.8	1.25	4.05	4.5	0.7	3.15	2.6	6.45				2.75	5.15	7.9	2.75	3.5	6.25	3.25	4	7.25	4.75	3.6	8.35				
566	000729	Trần Phát Thông	04/09/2009	10A12	3.4	4	7.4	3.8	0.2	3.3	2.2	5.7				3.75	5.5	9.25	4	4	8	2.75	4.5	7.25	4	3.35	7.35				
567	000732	Lê Thanh Trúc	26/10/2009	10A12	3.4	4.25	7.65	6	0.6	2.55	1	4.15				3.5	5.05	8.55	4.75	3.5	8.25	2.5	3.25	5.75	4.5	2.35	6.85				
568	000752	Trần Thị Thanh Thảo	08/02/2009	10A12	3.8	5	8.8	5.5	0.7	3.9	2.6	7.2				4	5.5	9.5	4.5	5	9.5	3.75	5.75	9.5	4.5	3.5	8				
569	000754	Hoàng Ngọc Mai Thy	10/03/2009	10A12	3.8	5	8.8	5.3	0.6	4.05	3	7.65				4	5.75	9.75	4.5	4.25	8.75	2.75	4.25	7	4.75	3.85	8.6				
570	000758	Nguyễn Thị Minh Vy	04/03/2009	10A12	3.6	3.75	7.35	4.8	0.2	2.25	2.6	5.05				4	4.65	8.65	3.5	4.75	8.25	2.5	3.5	6	4	3.5	7.5				
571	000523	Bùi Lê Nam An	26/12/2009	10A13	3.4	5	8.4	5	0.3	3.6	2.9	6.8				4	4.25	8.25	4.25	5	9.25	4	4.75	8.75	4.5	4	8.5				
572	000530	Phan Tuấn Khanh	30/07/2008	10A13	3.8	4.5	8.3	5.5	0.2	4.05	2.8	7.05				4	5.9	9.9	4.75	3.25	8	3.75	2.85	6.6	4.75	4	8.75				
573	000532	Lê Thị Cẩm Ly	16/12/2009	10A13	3.4	3	6.4	6.5	0.8	3.9	3	7.7				3.5	3.2	6.7	4	2	6	3.75	3.6	7.35	4	3.5	7.5				
574	000536	Ninh Thị Gia Như	03/02/2009	10A13	2.8	1.75	4.55	4	0.3	2.7	1.1	4.1				3.75	2.5	6.25	4.75	3.75	8.5	3.5	3.5	7	4.5	4	8.5				
575	000549	Trần Thúy Diễm	08/01/2009	10A13	3.2	3	6.2	6.3	0.8	3.75	2.2	6.75				3.5	5.25	8.75	3.25	1.5	4.75	3.5	3.25	6.75	3.75	2.25	6				
576	000551	Lê Phúc Hậu	31/01/2009	10A13	3.8	4.5	8.3	6	0.7	3.9	2.9	7.5				3	5.15	8.15	3.75	2.75	6.5	4	3	7	3.75	3.75	7.5				
577	000554	Nguyễn Hoàng Kim	28/05/2009	10A13	4	2.6	6.6	6.8	0.5	4.65	2.6	7.75				3.5	4.25	7.75	5	4.75	9.75	3.75	4.25	8	4.5	3.5	8				
578	000563	Nguyễn Chí Tài	29/05/2009	10A13	4	3	7	4.3	0.8	4.35	2.9	8.05				3.5	5	8.5	5	3.25	8.25	3.5	3.25	6.75	4.5	3.75	8.25				
579	000568	Nguyễn Yến Vi	08/06/2009	10A13	3.8	5.25	9.05	6.3	0.4	4.95	2.9	8.25				4	4.75	8.75	4.25	4.5	8.75	4	3.75	7.75	4.75	3.85	8.6				
580	000575	Đỗ Quang Hiếu	23/03/2009	10A13	2.4	1.35	3.75	1.8	0.2	3.45	0.4	4.05				2.25	1	3.25	3	1.5	4.5	1.75	0.5	2.25	3.5	3	6.5				
581	000579	Nguyễn Phạm Thiên Lý	24/06/2009	10A13	3.8	4.1	7.9	3.8	0.4	3.45	2.7	6.55				3.5	4.5	8	4.25	4.25	8.5	3.75	4.75	8.5	4.75	4.25	9				
582	000583	Nguyễn Kim Kiều Oanh	25/12/2009	10A13	3.4	4.75	8.15	3	0.7	3.45	2	6.15				3.5	3.5	7	3.75	1.75	5.5	4	3	7	2.5	2.5	5				
583	000586	Nguyễn Phương Thảo	09/11/2009	10A13	3.2	3.75	6.95	3.8	0.8	4.2	3	8				3.5	4.5	8	4.25	2.75	7	3.75	3.5	7.25	4	4	8				
584	000589	Nguyễn Ngọc Ánh Tiên	14/08/2009	10A13	3.2	4	7.2	5	0.4	3.3	1.6	5.3				3.75	4.75	8.5	4.25	4.25	8.5	4	2.85	6.85	3.5	4	7.5				
585	000598	Ngô Đình Đình	24/10/2009	10A13	3.2	2.5	5.7	4.3	0.4	4.5	2.1	7				3.5	5.65	9.15	2.75	4	6.75	4	3.5	7.5	4.5	4	8.5				
586	000601	Nguyễn Anh Khoa	24/02/2009	10A13	2.6	2	4.6	4.3	0.6	2.7	2	5.3				4	4.75	8.75	4	4.25	8.25	3.75	2.75	6.5	3.5	4	7.5				
587	000606	Phạm Triệu Yến Nhi	27/12/2009	10A13	2.2	2	4.2	5.3	0.7	3.75	1.3	5.75				4	3.5	7.5	4.75	3.25	8	3.5	3.1	6.6	3.75	4.75	8.5				
588	000611	Lưu Phước Thịnh	25/11/2009	10A13	3.2	1.35	4.55	4.8	0.7	3.6	2.4	6.7				4	4.05	8.05	2.5	1.5	4	3.75	4.25	8	4.25	1.6	5.85				
589	000612	Nguyễn Ngọc Minh Thư	04/12/2009	10A13	3.8	3.75	7.55	5.5	0.8	3.75	2.5	7.05	4	5	9	4	4.25	8.25	3.75	3.25	7	3.75	3.1	6.85							
590	000613	Vũ Anh Thy	18/09/2009	10A13	4	4.75	8.75	6	0.4	3.45	2.9	6.75	4	5.5	9.5	3.75	4.25	8	4	5	9	4.25	4	8.25							
591	000614	Trương Nguyễn Cao Trí	21/10/2009	10A13	3.4	4	7.4	5.5	0.5	2.7	1.8	5	4	3.75	7.75	2	2.25	4.25	3.25	2.85	6.1	2.5	3.25	5.75							
592	000620	Tạ Hoàng Gia Bảo	08/11/2009	10A13	2.8	2	4.8	5.3	0.7	3.75	2.9	7.35	3.75	5.25	9.25	4.25	2.5	6.75	3.25	2.5	5.75	2.75	4.25	7							
593	000624	Trần Quốc Huy	06/02/2009	10A13	3.4	3.75	7.15	5	0.7	4.2	2.3	7.2	3.75	4.55	8.3	5	3.25	8.25	4	3	7	4	4	8							
594	000626	Chiu Tài Linh	17/01/2009	10A13	3.6	4	7.6	4.3	0.4	4.5	2.9	7.8	4	4	8	5	2.75	7.75	3.25	3	6.25	4.75	3	7.75							
595	000633	Nguyễn Minh Sang	20/01/2009	10A13	2.2	3.25	5.45	5	0.5	3.9	3	7.4	3.25	4.5	7.75	4.75	3.75	8.5	2.5	1.75	4.25	3.25	3.5	6.75							
596	000635	Trần Quốc Thịnh	25/06/2009	10A13	4	3.6	7.6	7.3	0.2	4.35	2.8	7.35	4	4.75	8.75	4.5	4.25	8.75	4	3	7	4.75	3.35	8.1							

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
597	000637	Nguyễn Thị Thủy Tiên	20/10/2009	10A13	3.2	3.75	6.95	5	0.6	4.95	2.1	7.65				4	5.5	9.5	4.5	4	8.5	4	2.25	6.25	3.5	3.5	7				
598	000647	Nguyễn Thị Hoa Huệ	05/05/2009	10A13	4	4.75	8.75	6	0.6	4.65	3	8.25				4	5.25	9.25	5	4.5	9.5	4	4	8	4.5	4.75	9.25				
599	000651	Lê Quang Minh	20/04/2009	10A13	3.6	3	6.6	6.3	0.2	3.15	1.4	4.75				3.75	4.5	8.25	4.25	3.75	8	3.25	4	7.25	4.25	4.1	8.35				
600	000659	Đỗ Anh Thư	01/02/2009	10A13	4	3.75	7.75	6.5	0.7	3.3	2.4	6.4				3.75	5	8.75	3.75	3.75	7.5	4	4.75	8.75	4.25	4.25	8.5				
601	000678	Chung Thiên Phúc	19/07/2009	10A13	4	3	7	3.8	0.6	3.3	1.3	5.2				3.75	3.45	7.2	4.25	4.75	9	3.75	4	7.75	3	4.25	7.25				
602	000687	Phan Thị Khánh Vy	24/09/2009	10A13	2.8	4.25	7.05	5	0.6	4.05	2.5	7.15				3	5	8	3.5	3.75	7.25	2.25	2.5	4.75	4.25	4.25	8.5				
603	000689	Võ Kiều Lan Anh	24/10/2009	10A13	3.4	5	8.4	7.3	0.8	5.25	2.4	8.45				4	5.25	9.25	5	5	10	4	5	9	5	4.25	9.25				
604	000696	Nguyễn Đào Trúc Linh	24/09/2009	10A13	3.4	3.75	7.15	5	0.4	3.75	3	7.15				4	5	9	5	4.25	9.25	3.75	2.6	6.35	3.5	4.5	8				
605	000697	Trần Thị Ngọc Mai	21/11/2009	10A13	3.6	4.5	8.1	5	0.4	4.2	2.8	7.4				3.75	4.75	8.5	4	3	7	3.75	2.6	6.35	3.25	4.25	7.5				
606	000708	Huỳnh Thị Trúc	16/06/2009	10A13	3.8	3.35	7.15	5	0.3	4.2	3	7.5				4	4.75	8.75	5	4.75	9.75	4	4.25	8.25	4.25	4	8.25				
607	000713	Võ Quỳnh Anh	30/10/2009	10A13	3.2	2.25	5.45	4.8	0.6	3.75	2.2	6.55				3	4.5	7.5	3.25	1.75	5	3.75	4.25	8	3.5	5	8.5				
608	000722	Lê Khánh Ngân	09/06/2009	10A13	3.8	4.25	8.05	5.5	0.3	2.4	2.6	5.3				3.75	4.25	8	3.25	4.25	7.5	4	4.75	8.75	4.75	2	6.75				
609	000724	Huỳnh Trần Bảo Như	05/03/2009	10A13	4	5	9	4	0.7	4.05	2.9	7.65				3	5	8	4.25	4.75	9	4	3.75	7.75	3	3.5	6.5				
610	000728	Phan Thị Thu Thảo	27/05/2009	10A13	2.2	4	6.2	4.5	0.7	3.45	2.7	6.85				1.75	4.15	5.9	4.25	1.75	6	3.25	2.85	6.1	4	2.25	6.25				
611	000730	Cao Thị Bảo Thy	27/09/2009	10A13	3.8	4	7.8	3.5	0.8	3	1.7	5.5				1.5	3	4.5	3.25	1.25	4.5	3.25	1.25	4.5	2.5	3.25	5.75				
612	000741	Võ Lê Thu Hồng	30/07/2009	10A13	3.4	4.5	7.9	5.3	0.7	4.05	2.9	7.65				4	5.5	9.5	5	4	9	4	4.25	8.25	4.75	4	8.75				
613	000743	Nguyễn Tuấn Kiệt	01/09/2009	10A13	2.8	2.5	5.3	5	0.7	3.45	1.7	5.85				3.75	3.15	6.9	4.25	4.5	8.75	3.5	2.35	5.85	3.25	2.5	5.75				
614	000744	Đặng Gia Long	22/09/2009	10A13	3.6	4.5	8.1	7	0.7	3.3	2.9	6.9				4	4.55	8.55	4.5	2	6.5	4	3	7	3.75	4	7.75				
615	000750	Đặng Thị Hồng Quyên	08/12/2009	10A13	3.8	4.25	8.05	5.3	0.2	4.5	2.9	7.6				4	5.25	9.25	4.25	4.75	9	4	4	8	4.5	4	8.5				
616	000751	Đình Văn Tấn	03/04/2009	10A13	4	3.5	7.5	5.3	0.5	2.7	1.4	4.6				3.5	4.9	8.4	3.75	3	6.75	4	3.75	7.75	3.75	4.5	8.25				
617	000753	Phạm Minh Trí	18/03/2009	10A13	2.8	2.5	5.3	5.3	0.4	4.05	2.9	7.35				4	5	9	3.75	4	7.75	4	3.75	7.75	4.5	4.1	8.6				
618	000525	Chung Gia Bảo	14/05/2009	10A14	3	4	7	5.5	0.7	3.6	2.2	6.5				3.5	4.4	7.9	4.75	4	8.75	3.75	3.6	7.35	4.25	5	9.25				
619	000557	Phạm Minh Ngân	04/03/2009	10A14	2.2	2	4.2	3	0.7	2.85	2	5.55				1	3.75	4.75	2.75	1.5	2.1	2.25	0.75	3	3	1.6	4.6	VPQCT			
620	000562	Bùi Thanh Thảo	12/10/2009	10A14	3.2	2.75	5.95	6	0.6	4.2	2.2	7				4	5.25	9.25	4	4.5	8.5	4	3.6	7.6	4.5	4	8.5				
621	000565	Võ Lê Bảo Thy	08/10/2009	10A14	3.2	2	5.2	7.8	0.8	4.05	1.5	6.35				3.25	3.2	6.45	4.75	3.5	8.25	1.25	2.85	4.1	4.25	4.25	8.5				
622	000566	Nguyễn Thị Tuyết Trần	31/08/2008	10A14	3.4	5	8.4	6.8	0.6	3.75	1.7	6.05				4	5	9	4.5	3.75	8.25	3.5	5	8.5	4.75	4.25	9				
623	000574	Võ Văn Trí Đức	10/11/2008	10A14	3.6	4.75	8.35	5.5	0.8	3.75	2.5	7.05				4	3.65	7.65	4.25	1.75	6	3.75	3.25	7	4.75	4.75	9.5				
624	000577	Huỳnh Dương Anh Khôi	29/09/2009	10A14	3.2	4	7.2	5.8	0.8	2.85	1.6	5.25				4	5	9	4.5	4	8.5	4	3.5	7.5	4	4	8				
625	000578	Phạm Mai Lam	20/08/2009	10A14	3.2	4	7.2	7.5	0.8	1.65	0.6	3.05				4	4.75	8.75	4.25	2	6.25	3.75	3.75	7.5	4	3	7				
626	000582	Phan Ngọc Nhi	14/04/2009	10A14	4	5	9	7	0.6	4.8	2.9	8.3				4	5.15	9.15	5	4.75	9.75	3.75	4.5	8.25	5	4.75	9.75				
627	000588	Nguyễn Võ Anh Thư	23/06/2009	10A14	3.4	3	6.4	6	0.6	3	1.5	5.1				3.5	5.15	8.65	4.25	2.25	6.5	4	2.85	6.85	5	3.25	8.25				
628	000591	Nguyễn Minh Tuấn	18/05/2009	10A14	2.8	3.5	6.3	5.3	0.8	4.2	1.3	6.3				2.25	3.15	5.4	3.25	2.25	5.5	2.25	2.6	4.85	4	4	8				
629	000597	Vũ Tiến Dũng	27/05/2008	10A14	3.6	3.75	7.35	6	0.8	4.35	2.2	7.35				3.75	4.9	8.65	5	4.25	9.25	3.75	2	5.75	4.75	4.25	9				
630	000602	Võ Thư Kỳ	12/05/2009	10A14	3.8	4.5	8.3	6	0.7	3.6	1.1	5.4				4	5.9	9.9	4.5	3.75	8.25	4	3.85	7.85	4.5	4.25	8.75				
631	000603	Võ Khánh Ly	18/04/2009	10A14	3.4	3.75	7.15	6.5	0.8	3.9	2.2	6.9				4	6	10	4.75	4	8.75	4	4.5	8.5	5	3.25	8.25				
632	000609	Nguyễn Phạm Khánh Quỳnh	26/11/2009	10A14	3.4	4.25	7.65	7	0.8	4.05	1.9	6.75				3.5	4.75	8.25	4	4.25	8.25	4	2.75	6.75	4	4.75	8.75				
633	000616	Phan Thị Hoàng Vi	28/06/2009	10A14	3.4	3.5	6.9	6.5	0.3	2.25	1.7	4.25				3.75	5.5	9.25	4.5	3.25	7.75	4	2	6	3.5	4.25	7.75				
634	000619	Trần Ngọc Quỳnh Anh	06/08/2009	10A14	3.2	4.25	7.45	6.5	0.7	4.95	2.6	8.25				4	4.75	8.75	3.75	4.25	8	3.5	2.5	6	4	3.85	7.85				
635	000632	Bùi Kim Phương	26/09/2008	10A14	3.4	4.5	7.9	5.5	0.5	1.65	0.8	2.95				3.5	5	8.5	4	4.5	8.5	3.5	2.75	6.25	4	5	9				
636	000644	Hà Diệp Châu	06/09/2009	10A14	3.4	4	7.4	6.8	0.6	4.65	2.6	7.85				4	6	10	5	4.75	9.75	3.75	3.25	7	4.75	4	8.75				
637	000658	Trần Thị Thu Thảo	18/06/2009	10A14	3.2	4.25	7.45	7.3	0.7	4.2	2.1	7				3.5	4.5	8	3.25	2	5.25	4	3.25	7.25	4.5	4.1	8.6				
638	000661	Nguyễn Ngọc Đoàn Trang	06/10/2009	10A14	3.2	4.25	7.45	4.5	0.8	3.9	2.1	6.8				4	4.75	8.75	3	4	7	3.75	2.5	6.25	4.5	4.1	8.6				
639	000662	Trần Thanh Trúc	21/06/2009	10A14	3.4	3.5	6.9	6.3	0.6	4.05	2.2	6.85	4	5.5	9.5	4.75	4.25	9	4	3.75	7.75	4.75	4.25	9							
640	000664	Phạm Nguyễn Huyền Vy	16/09/2009	10A14	2.8	2.75	5.55	5.3	0.7	2.7	0.8	4.2	3.25	5	8.25	2.75	2.5	5.25	4	3.5	7.5	3.25	3.35	6.6							
641	000665	Nguyễn Thảo Anh	04/06/2009	10A14	2.6	2.1	4.7	6	0.6	1.5	0.6	2.7	3	2.9	5.9	4	2.25	6.25	2	1.1	3.1	3.75	4	7.75							
642	000668	Phạm Huỳnh Tấn Đạt	04/11/2009	10A14	2.2	3.5	5.7	5.3	0.7	3.9	2.6	7.2	3.5	3.85	7.35	4.5	2	6.5	3.75	2.6	6.35	4.25	4.5	8.75							

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
643	000670	Nguyễn Công Hùng	14/12/2009	10A14	3.4	3	6.4	5.5	0.8	4.35	2.8	7.95				4	4.75	8.75	4.75	3.75	8.5	4	3	7	4	3.5	7.5				
644	000674	Lê Tuấn Minh	02/09/2009	10A14	3.6	5	8.6	6	0.7	4.2	2.5	7.4				3.5	5.5	9	4.5	4.25	8.75	4	3	7	5	4.75	9.75				
645	000679	Võ Ngọc Quyền	15/03/2009	10A14	2	2.1	4.1	4.8	0.7	3.45	1	5.15				3	4.15	7.15	2.25	1.75	4	2.75	1	3.75	3.75	4	7.75				
646	000681	Hồ Ngọc Nhã Thi	07/08/2009	10A14	3.4	2.6	6	5.5	0.6	2.85	1.2	4.65				4	4.5	8.5	4.75	4.5	9.25	4	3.25	7.25	4.25	4.25	8.5				
647	000688	Huỳnh Ngọc Trâm Anh	29/06/2009	10A14	3.6	3.75	7.35	5.8	0.8	4.05	2	6.85				4	5.75	9.75	4.5	4	8.5	4	3.5	7.5	4	4.25	8.25				
648	000692	Huỳnh Hoàn Hào	13/03/2009	10A14	3.4	2.5	5.9	6.3	0.4	3.6	2	6				4	5.25	9.25	4.5	4.5	9	3.5	3.75	7.25	4.25	3.25	7.5				
649	000693	Nguyễn Hoàng Minh Hiếu	23/11/2009	10A14	3.2	4	7.2	5	0.8	4.2	2.8	7.8				4	5.25	9.25	4.75	4.25	9	4	5.25	9.25	4.75	3.5	8.25				
650	000695	Đình Hoàng Tuấn Kiệt	14/04/2009	10A14	2.8	2	4.8	6	0.8	3.45	1.3	5.55				3.25	4.75	8	3.75	3.75	7.5	3.5	2.75	6.25	4	4	8				
651	000703	Nguyễn Thành Tài	29/01/2009	10A14	3.2	3.75	6.95	6	0.8	2.55	2	5.35				4	5.25	9.25	4	3.25	7.25	3.25	4.25	7.5	4	3.25	7.25				
652	000715	Hồ Thị Thùy Dương	29/04/2009	10A14	3.8	4.5	8.3	5	0.8	4.05	2.5	7.35				4	5	9	4.25	4	8.25	4	3.75	7.75	4.75	5	9.75				
653	000720	Trần Gia Linh	02/01/2009	10A14	2.6	2.5	5.1	5.3	0.7	4.2	2.1	7				4	5.25	9.25	3.75	1.75	5.5	3.75	3	6.75	4	3.6	7.6				
654	000726	Nguyễn Anh Quốc	21/01/2009	10A14	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng				Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
655	000731	Nguyễn Nhật Tiến	06/07/2009	10A14	2.8	2.5	5.3	5	0.7	3.6	2.3	6.6				3.5	5	8.5	3.75	4.5	8.25	2	4	6	3.5	4.5	8				
656	000733	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	18/09/2009	10A14	3.6	5.5	9.1	7.3	0.7	4.65	3	8.35				4	5.5	9.5	4.75	4.75	9.5	4	3.75	7.75	4.5	4	8.5				
657	000734	Nguyễn Dương Thảo Vy	21/05/2009	10A14	2	2	4	4	0.7	3.45	1.1	5.25				3.25	4.25	7.5	3.5	1.75	5.25	2.75	3	5.75	4	4	8				
658	000740	Tô Thị Diễm Hằng	18/10/2008	10A14	3.2	3.25	6.45	6.3	0.8	3	0.9	4.7				3.5	4.25	7.75	3.5	3.25	6.75	3.75	2.85	6.6	4.25	4	8.25				
659	000742	Lê Minh Khang	24/06/2009	10A14	2.2	2	4.2	4.3	0.7	3.15	2.1	5.95				4	2.75	6.75	3.75	0.75	4.5	1.75	1.85	3.6	4	1.35	5.35				
660	000746	Ngô Phan Khánh Ngân	01/06/2008	10A14	3.6	2.75	6.35	5.8	0.8	4.5	1.4	6.7				3.25	5.05	8.3	3.5	4.5	8	3	2.75	5.75	3.75	3.35	7.1				
661	000748	Lê Thị Quỳnh Như	25/01/2009	10A14	3	2.75	5.75	5.3	0.8	3.6	2.3	6.7				3.25	5.75	9	4.25	4.25	8.5	3	3.1	6.1	4.25	4.25	8.5				
662	000757	Võ Đình Văn	19/03/2009	10A14	3.4	4.25	7.65	5.8	0.6	4.65	2	7.25				2.5	4.25	6.75	3.25	2.5	5.75	2.75	1.75	4.5	3.25	2.85	6.1				
663	000527	Phạm Ngọc Tiến Đạt	28/10/2009	10A15	3.4	3	6.4	5.5	0.6	4.65	2.3	7.55				4	5.5	9.5	3.75	3.75	7.5	3.5	2.6	6.1	3.5	4.25	7.75				
664	000529	Lâm Gia Huy	22/01/2009	10A15	1.8	1.75	3.55	5.5	0.5	2.7	0.8	4				4	5	9	4	4.75	8.75	4	4.25	8.25	4.25	4.75	9				
665	000533	Nguyễn Thị Trà My	01/04/2009	10A15	3.2	3	6.2	7.3	0.8	4.65	2.6	8.05				4	5.25	9.25	5	4.75	9.75	4	3.25	7.25	3.5	4	7.5				
666	000534	Nguyễn Thu Kim Ngân	12/03/2009	10A15	3.6	5	8.6	6.3	0.6	3.75	2.3	6.65				3.5	3.05	6.55	3	2.75	5.75	3.25	1.7	4.95	3.5	3	6.5				
667	000535	Nguyễn Thị Kiều Nhi	23/03/2009	10A15	1.6	2	3.6	5	0.5	2.55	0.5	3.55				3.75	5.25	9	4.25	3.75	8	4	3	7	4.5	3.75	8.25				
668	000539	Vũ Tuấn Thành	01/05/2009	10A15	3.8	4.25	8.05	5.8	0.9	3.9	0.6	5.4				0.25	2.95	3.2	3.25	1.5	4.75	1.25	2.25	3.5	3.5	4	7.5				
669	000544	Nguyễn Tuấn Tú	22/04/2009	10A15	2	2.25	4.25	6.3	0.3	2.85	0.3	3.45				3.5	5.25	8.75	3	4.25	7.25	3.75	4	7.75	4.75	4	8.75				
670	000545	Lê Tường Vi	28/12/2009	10A15	3.6	3.75	7.35	6.8	0.7	3.9	2.2	6.8				4	5.5	9.5	4.75	4.5	9.25	3.75	3.5	7.25	4	4	8				
671	000558	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	04/12/2009	10A15	3.4	2.25	5.65	7	0.4	3.75	2	6.15				4	5.75	9.75	4.75	4	8.75	3.5	2.5	6	3.75	4	7.75				
672	000567	Nguyễn Đức Minh Tuấn	20/03/2009	10A15	2.8	2.85	5.65	5	0.6	4.2	1.7	6.5				Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng				
673	000569	Nguyễn Đình Ngọc Như Ý	07/10/2009	10A15	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0	Vắng	Vắng	Vắng				4	5.75	9.75	5	4.75	9.75	4	3.5	7.5	4.75	5	9.75				
674	000570	Hoàng Ngọc Anh	19/11/2009	10A15	3.8	4.5	8.3	8.3	0.4	4.05	2.7	7.15				4	4.75	8.75	3.25	2	5.25	3.5	3.5	7	4	3.75	7.75				
675	000571	Phan Quỳnh Anh	06/04/2009	10A15	3	2.85	5.85	5.8	0.7	3.3	0.2	4.2				4	5.25	9.25	4.75	4.75	9.5	3	4	7	4.5	4	8.5				
676	000572	Phạm Gia Bảo	08/05/2009	10A15	2.8	2.75	5.55	5.3	0.6	3.3	1.5	5.4				3.75	5.25	9	5	2	7	4	3.25	7.25	4	4	8				
677	000590	Thạch Thị Huỳnh Trình	25/04/2009	10A15	3.2	3	6.2	6	0.6	1.95	2.8	5.35				4	4.25	8.25	4.25	4.25	8.5	4	3	7	5	3.75	8.75				
678	000596	Nguyễn Thiên Bảo	15/05/2009	10A15	3.6	2.25	5.85	6.5	0.6	2.85	0.2	3.65				4	4.75	8.75	3.25	3.25	6.5	4	3.5	7.5	4	3.5	7.5				
679	000605	Lưu Nguyễn Khánh Ngọc	26/12/2009	10A15	3.2	3	6.2	4.3	0.8	3	1.7	5.5	3.75	4.5	8.25	3.75	3.75	7.5	3.75	4.25	8	4.25	3.85	8.1							
680	000607	Trần Thị Quỳnh Như	04/12/2009	10A15	3.6	3.1	6.7	5.5	0.4	3.45	2.1	5.95	4	4.4	8.4	4.75	4	8.75	4	4.75	8.75	4.5	4	8.5							
681	000610	Nguyễn Đoàn Phương Thảo	14/08/2009	10A15	2	1.75	3.75	6	0.8	3.45	1.2	5.45	4	5	9	4.75	3	7.75	3.75	4.5	8.25	4	3.6	7.6							
682	000617	Hà Hải Yến	11/06/2009	10A15	3.2	2	5.2	5	0.7	2.4	0.7	3.8	4	5.75	9.75	4.75	4.5	9.25	4	3.75	7.75	4.75	4	8.75							
683	000621	Trương Thị Mỹ Duyên	06/07/2009	10A15	3.4	5	8.4	6	0.6	3.6	1.8	6	4	4.25	8.25	3.5	3.25	6.75	3.75	2.9	6.65	3.25	2.25	5.5							
684	000622	Đặng Thị Diệu Hà	28/10/2009	10A15	3	2.75	5.75	4.5	0.6	3.3	1.8	5.7	4	3.5	7.5	4	1.75	5.75	3	4	7	3.25	2.5	5.75							
685	000623	Lê Anh Ngọc Hiếu	18/08/2009	10A15	3.2	3.5	6.7	5.5	0.7	3	0.7	4.4	3	4.75	7.75	2.75	1.75	4.5	2.25	3.6	5.85	2.25	2.75	5							
686	000629	Nguyễn Bảo Ngọc	16/10/2009	10A15	3	4	7	4.5	0.4	2.25	1.1	3.75	4	5.25	9.25	4.5	4.75	9.25	4	3	7	4	3.75	7.75							
687	000631	Nguyễn Ngọc Vy Oanh	24/03/2009	10A15	3.2	2.35	5.55	5	0.6	2.55	1.8	4.95	3.75	5.25	9	5	2.75	7.75	4	3	7	4.25	4	8.25	VPQCT						
688	000636	Phạm Đào Minh Thư	15/04/2009	10A15	3.2	3	6.2	0	0.5	3.45	0.9	4.85																			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú	
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC		
689	000639	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	31/08/2009	10A15	3.6	3.5	7.1	6.8	0.7	4.95	2.5	8.15							3.25	6	9.25	5	4.25	9.25	4	5.25	9.25	4.75	3	7.75		
690	000640	Huỳnh Phương Vy	10/12/2009	10A15	3.6	2.5	6.1	5.5	0.5	1.95	0.1	2.55							3.5	4.15	7.65	3.75	3.25	7	3.5	2.5	6	4	1.1	5.1		
691	000642	Nguyễn Hoàng Quyền Anh	24/08/2009	10A15	2.8	1.75	4.55	6.5	0.7	3.45	1	5.15							4	5.75	9.75	4.75	3.75	8.5	3.75	3.35	7.1	4	4	8		
692	000650	Ngô Xuân Lộc	19/06/2009	10A15	3.4	4	7.4	5.5	0.4	4.05	2.5	6.95							4	5.75	9.75	4	2.25	6.25	4	2.6	6.6	2.75	2.35	5.1		
693	000654	Nguyễn Gia Như	17/10/2008	10A15	2.8	3.75	6.55	7	0.6	3.15	1.7	5.45							4	5.75	9.75	4.5	4.25	8.75	4	4.5	8.5	4.5	3.6	8.1		
694	000683	Lê Hoàng Bảo Thy	29/10/2009	10A15	3	3	6	6.3	0.4	3.45	0.6	4.45							4	5	9	4.75	4	8.75	4	2.85	6.85	3.5	3.5	7		
695	000686	Kiều Phan Yến Vân	13/12/2009	10A15	1	1.1	2.1	3.8	0.7	2.55	0.5	3.75							1.25	3.75	5	4	1	5	3	1.75	4.75	3.75	3.5	7.25		
696	000694	Nguyễn Minh Hưng	09/12/2009	10A15	1.6	2	3.6	4.5	0.3	2.25	0.6	3.15							2	1.75	3.75	3	1.25	4.25	1.5	2.5	4	3	1.25	4.25		
697	000704	Phạm Thanh Thảo	01/06/2009	10A15	3.4	2.1	5.5	7.5	0	3.3	2.6	5.9							4	5.25	9.25	5	4.75	9.75	4	2.5	6.5	4.5	4.75	9.25		
698	000705	Trần Thái Thịnh	20/05/2009	10A15	4	2.75	6.75	5.5	0.5	3.9	2.6	7							2.5	4.5	7	4.25	2.5	6.75	4	3	7	3.75	3.75	7.5		
699	000707	Lê Mạnh Tiến	30/07/2009	10A15	3.6	3.5	7.1	5.3	0.6	4.8	2.8	8.2							4	5.25	9.25	4.75	3.25	8	3.5	4	7.5	4	4	8		
700	000714	Phạm Thanh Bình	13/05/2009	10A15	3.4	4	7.4	5.8	0.8	3.3	1.7	5.8							4	4.25	8.25	4.5	4.25	8.75	3.5	4.25	7.75	4	3.25	7.25		
701	000717	Huy Đức Hòa	01/02/2009	10A15	3	3	6	6.5	0.7	3.9	1.2	5.8							3.5	5.75	9.25	3.5	4.5	8	3.5	2.75	6.25	4	4	8		
702	000725	Phạm Hồng Phong	06/10/2009	10A15	3.8	4.75	8.55	6	0.6	3.75	1.8	6.15							3.5	5	8.5	4	2.5	6.5	3.75	2.35	6.1	4.25	3	7.25		
703	000727	Nguyễn Thành Tài	22/10/2008	10A15	4	3	7	5.5	0.8	2.55	0.1	3.45							3.5	5	8.5	4.25	3.5	7.75	2.5	2.35	4.85	4	4	8		
704	000735	Tạ Thị Minh Yến	17/04/2009	10A15	3.8	3.1	6.9	6.5	0.3	3.3	1.2	4.8							3.5	5.5	9	4.5	4.5	9	4	4.25	8.25	4.75	2.6	7.35		
705	000737	Lê Nguyễn Ngọc Ánh	17/11/2009	10A15	2.4	1.75	4.15	5.8	0.7	3.75	1.9	6.35							4	4.25	8.25	4.75	3.75	8.5	3.75	3.1	6.85	3.5	4	7.5		
706	000739	Nguyễn Thị Thùy Dương	02/09/2009	10A15	3.8	3.25	7.05	7	0.5	3.6	2.2	6.3							4	5.25	9.25	5	4.75	9.75	4	4.5	8.5	4.75	3.5	8.25		
707	000745	Nguyễn Quỳnh Tú Mẫn	07/09/2009	10A15	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng							Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
708	000749	Cao Mạnh Phú	23/12/2009	10A15	3	2	5	5.3	0.6	3.75	0.4	4.75							1.5	4.4	5.9	3.5	2.75	6.25	4	2.35	6.35	3	4.25	7.25		
709	000755	Trần Gia Toàn	19/09/2009	10A15	3.2	2.5	5.7	7.3	0.5	3.6	3	7.1							3.75	5	8.75	4.5	2.75	7.25	3.25	1.5	4.75	3.5	2.75	6.25		
710	000756	Nguyễn Thị Thanh Trúc	23/12/2009	10A15	3.2	3	6.2	6.3	0.4	4.35	2.4	7.15							4	5.5	9.5	4	3.5	7.5	3.75	3.25	7	4.75	4	8.75		
711	000526	Nguyễn Phan Duy Cường	28/03/2009	10A16	4	5.5	9.5	7	0.8	4.2	3	8							4	5.9	9.9	5	4.75	9.75	4	4.5	8.5	4.75	4.25	9		
712	000528	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	21/04/2009	10A16	3.8	3.5	7.3	6.8	0.5	4.95	2.8	8.25							4	4.75	8.75	5	4.5	9.5	3.75	3.1	6.85	4.25	3.85	8.1		
713	000541	Lý Minh Thư	21/06/2009	10A16	3.8	2.6	6.4	6	0.8	3	1.5	5.3							2.25	5	7.25	4.25	4	8.25	3.25	2.85	6.1	4.25	4.75	9		
714	000542	Nguyễn Bảo Thy	20/07/2009	10A16	3.8	4	7.8	7	0.4	3.6	2.5	6.5							3.75	4.65	8.4	4.5	4.25	8.75	3	3.6	6.6	4.5	3.25	7.75		
715	000546	Trần Bảo Vy	29/03/2009	10A16	3.8	3	6.8	6.8	0.6	3.6	2.5	6.7							4	5.15	9.15	3.75	2.5	6.25	3.5	2.75	6.25	4.5	2.85	7.35		
716	000548	Lương Gia Bảo	09/12/2009	10A16	3.8	4.75	8.55	5.3	0.6	2.7	3	6.3							2.75	5	7.75	3.25	3.75	7	2.25	3.1	5.35	4.25	3.25	7.5		
717	000550	Bùi Hải Đăng	13/12/2009	10A16	2.2	2.5	4.7	5.5	0.8	2.4	1.6	4.8							3.5	4.9	8.4	2	1.25	3.25	1.5	1.6	3.1	3.75	2.25	6		
718	000552	Lê Trần Gia Huy	02/01/2009	10A16	4	3.75	7.75	5.8	0.5	4.5	2.5	7.5							3.75	4.75	8.5	4.5	3.75	8.25	4	3.5	7.5	4.5	2.75	7.25		
719	000555	Nguyễn Khánh Ly	02/11/2009	10A16	3	1.5	4.5	6	0.7	3.15	2	5.85							2.75	2	4.75	2.75	1.5	4.25	2	1.35	3.35	3	1.6	4.6		
720	000560	Thái Song Phúc	24/07/2009	10A16	3.8	5	8.8	6.3	0.7	3.45	3	7.15							4	5.25	9.25	5	4.75	9.75	4	3.6	7.6	4.75	4.5	9.25		
721	000561	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	25/08/2008	10A16	3.4	4.25	7.65	5	0.5	3.6	2.2	6.3							2	3.2	5.2	2.75	2.75	5.5	2	2.6	4.6	4.25	1.75	6		
722	000564	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12/04/2009	10A16	3.6	3.5	7.1	6.5	0.8	3	2.6	6.4							4	5	9	3.5	2.25	5.75	3.25	4	7.25	4	3.75	7.75		
723	000573	Mai Thị Mỹ Duyên	07/09/2009	10A16	3.6	3.75	7.35	6.3	0.7	4.05	2.8	7.55							4	5.15	9.15	3.25	2.5	5.75	3.5	3.6	7.1	3.5	3.1	6.6		
724	000576	Phùng Anh Huy	18/02/2009	10A16	4	4	8	5.5	0.8	4.2	3	8							4	5	9	5	4	9	4	3.75	7.75	4.75	4	8.75		
725	000580	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	01/09/2009	10A16	4	5	9	6.5	0.8	3.9	3	7.7							4	5.15	9.15	5	4.25	9.25	3.75	4.1	7.85	4.5	3.85	8.35		
726	000585	Đoàn Ngọc Sang	07/01/2009	10A16	2	2.5	4.5	4.5	0.4	2.4	1.2	4							1.25	3.55	4.8	4.25	3.75	8	2.25	2.5	4.75	3.75	4.1	7.85		
727	000587	Nguyễn Hoàng Gia Thịnh	29/07/2009	10A16	4	0	4	5	0.8	4.8	2.1	7.7							3.5	2	5.5	2.5	2	4.5	2.2	1.25	3.45	3.5	1.25	4.75		
728	000593	Lê Hoàng Hải Yến	27/10/2009	10A16	3.6	4.5	8.1	6	0.8	3	2.9	6.7							4	4.75	8.75	4.5	4.25	8.75	4	4.25	8.25	4.5	4	8.5		
729	000594	Nguyễn Ngọc An	20/10/2009	10A16	3	2	5	4	0.7	2.7	0.9	4.3							2.75	4.75	7.5	5	4.25	9.25	1.75	1.75	3.5	3	3.6	6.6		
730	000599	BÙI THẾ HIỂN	24/03/2009	10A16	3.8	4.75	8.55	5	0.8	3.75	2.8	7.35							3.75	4.5	8.25	3	2.25	5.25	2	1.5	3.5	4	3	7		
731	000608	Đinh Vũ Hoàng Phụng	19/08/2009	10A16	3	2.75	5.75	3.8	0.8	4.2	2.2	7.2							4	5	9	4	3.75	7.75	2.5	0.75	3.25	3.75	3.75	7.5		
732	000618	Hồ Ngọc Tuấn Anh	06/03/2009	10A16	3.6	4	7.6	5.8	0.9	4.65	3	8.55							1.75	3.4	5.15	4	2.75	6.75	2.5	2.75	5.25	2.75	4	6.75		
733	000625	Cao Ngọc Bảo Khuyên	19/03/2009	10A16	2.8	2.35	5.15	5.3	0.8	4.8	2.1	7.7	4	4.5	8.5	3.75	3	6.75	3.5	3.1	6.6	4.5	4.25	8.75								
734	000630	Tô Ngọc Xuân Nhi	06/11/2009	10A16	3.2	1.6	4.8	5	0.8	4.8	1.2	6.8	2.5	3.15	5.65	4.75	3.25	8	2.25	2.75	5	4	3.6	7.6								

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			Kinh tế Pháp luật			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
735	000634	Nguyễn Vũ Phương Thảo	23/12/2009	10A16	3.6	3.25	6.85	5	0.8	3.45	1.2	5.45				3.25	4.25	7.5	4	4	8	2.5	2.25	4.75	4	3.35	7.35				
736	000643	Phan Ngọc Ánh	27/02/2008	10A16	3.8	3.5	7.3	7.8	0.6	3.15	2.8	6.55				4	5.5	9.5	4.5	3.75	8.25	3.75	2.85	6.6	4.5	3.35	7.85				
737	000648	Nguyễn Minh Khang	30/10/2009	10A16	3.4	4.25	7.65	5	0.5	4.05	3	7.55				3	3.8	6.8	3.25	2.75	6	3.5	2.85	6.35	2.25	3.25	5.5				
738	000649	Nguyễn Tuấn Kiệt	09/10/2009	10A16	4	3.5	7.5	6.3	0.5	4.2	2.9	7.6				4	4.75	8.75	5	2	7	4	3.25	7.25	4.75	2	6.75				
739	000653	Lưu Thị Yến Nhi	10/02/2009	10A16	3.8	2.5	6.3	6.3	0.6	3.15	1.6	5.35				4	4.35	8.35	4	2.75	6.75	4	3	7	3.5	2	5.5				
740	000655	Lê Thiên Phú	06/09/2009	10A16	3.2	2.75	5.95	5.8	0.6	3.6	3	7.2				4	5.25	9.25	3.5	3.75	7.25	3.75	2.35	6.1	4.25	3.85	8.1				
741	000656	Lê Bảo Quyền	06/10/2009	10A16	3.2	2	5.2	7	0.8	3.45	2.2	6.45				4	4.3	8.3	4.5	4.5	9	4	3.25	7.25	3	3.35	6.35				
742	000663	Bùi Ngọc Trúc Vân	20/02/2009	10A16	1.8	1.2	3	5.8	0.8	2.1	0.6	3.5				1.75	4.45	6.2	3.5	1.5	5	3.5	3	6.5	3.75	3.85	7.6				
743	000666	Bùi Dương Bảo Ân	27/09/2009	10A16	3.2	3.75	6.95	6.3	0.3	3.6	2.6	6.5				3.75	5	8.75	4	4.75	8.75	3.75	4	7.75	4.5	1.75	6.25				
744	000667	Trần Quốc Chiến	09/07/2009	10A16	4	3.75	7.75	5	0.5	3.15	1.3	4.95				4	4.3	8.3	4.5	3.25	7.75	3.75	2.75	6.5	3.5	3.85	7.35				
745	000669	Đỗ Nguyễn Ngọc Hân	27/06/2009	10A16	3.2	3	6.2	4.5	0.8	2.7	0.3	3.8				2.75	3.65	6.4	3.25	1	4.25	3.25	0.85	4.1	3.5	2.6	6.1				
746	000672	Dương Thúy Kiều	15/05/2009	10A16	4	4.25	8.25	5.8	0.8	4.05	2.9	7.75				3.75	4.5	8.25	4.5	4	8.5	4	3.35	7.35	4.25	3.5	7.75				
747	000675	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	15/06/2009	10A16	3.6	4.25	7.85	5.8	0.9	4.2	3	8.1				4	5	9	4.25	4.25	8.5	4	4	8	4.75	4.1	8.85				
748	000677	Nguyễn Hoàng Yến Như	22/05/2009	10A16	3.8	4.75	8.55	4.3	0.6	3.45	3	7.05				3.75	5	8.75	4.5	2.25	6.75	4	2.5	6.5	4.75	2.85	7.6				
749	000690	Nguyễn Thanh Bình	11/07/2009	10A16	3.2	3.75	6.95	4	0.3	2.55	0.8	3.65				1.75	4.5	6.25	3	3.25	6.25	2.5	2.6	5.1	3.25	2.25	5.5				
750	000691	Đoàn Trần Hải Dương	25/02/2009	10A16	3	3.5	6.5	4	0.8	4.05	2.6	7.45				2.25	5.75	8	4.5	3.75	8.25	2.5	2.25	4.75	4.5	3.25	7.75				
751	000698	Hà Ngọc Kim Ngân	23/08/2009	10A16	3.2	3.25	6.45	5	0.7	2.1	1.6	4.4				3.75	5.5	9.25	4.5	3	7.5	3.25	3	6.25	3.25	3	6.25				
752	000700	Đào Nguyễn Quỳnh Như	16/11/2009	10A16	2.6	1.75	4.35	4.5	0.8	3	2.2	6				2.5	4.25	6.75	4	1.25	5.25	3	2.5	5.5	4.25	2	6.25				
753	000710	Lê Thanh Vy	30/08/2009	10A16	2.6	2.25	4.85	4.3	0.8	3.3	2	6.1				1.75	3.75	5.5	3.75	2.5	6.25	3	0.85	3.85	3	2.25	5.25				
754	000712	Lâm Quỳnh Anh	16/11/2009	10A16	3.2	2.5	5.7	7.5	0.8	3.9	1.3	6				4	5.75	9.75	3	2	5	3.25	3.75	7	3.75	2.85	6.6				
755	000719	Nguyễn Tấn Kiệt	13/08/2009	10A16	4	4.25	8.25	4.5	0.5	3.15	1.8	5.45	2.5	3.25	5.75	3.5	3.5	7	2.75	2.25	5	4	2.6	6.6							
756	000736	Lý Hoài Huỳnh Anh	09/07/2009	10A16	3.6	3.25	6.85	5.3	0.9	4.5	3	8.4	4	4.65	8.65	4.75	5	9.75	4	4.25	8.25	4	3.5	7.5							
757	000738	Đào Minh Châu	17/12/2009	10A16	3.8	3.5	7.3	6	0.7	3.15	3	6.85	3.5	4.5	8	4	3.25	7.25	3.5	2.75	6.25	3.5	3.85	7.35							
758	000747	Phạm Trường Nhân	07/07/2008	10A16	3.2	3.25	6.45	4.3	0.5	3	1.5	5	3.5	4.45	7.95	3.5	4.5	8	2.5	3.75	6.25	4	3.35	7.35							